

KỶ NIỆM 70 NĂM NGÀY TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN (19/12/1946 - 19/12/2016)



BỐI CẢNH LỊCH SỬ DẪN ĐẾN CHỦ TRƯỞNG PHÁT ĐỘNG TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

1. Tình hình thế giới và trong nước sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ II, chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống trên thế giới. Các nước phát xít Đức, Ý, Nhật bị đánh bại còn đế quốc Anh, Pháp tuy thắng trận nhưng đã suy yếu.

Đế quốc Mỹ tận dụng các lợi thế, nhanh chóng vươn lên cầm đầu phe tư bản chủ nghĩa, ra sức lôi kéo, tập hợp lực lượng phản động để chống lại các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Do vậy, mâu thuẫn chi phối quan hệ quốc tế lúc này là mâu thuẫn giữa các lực lượng hòa bình, dân tộc, dân chủ và hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô làm trụ cột

với lực lượng đế quốc, phản cách mạng do Mỹ đứng đầu.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) đã tác động, cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các thuộc địa; làm cho các thế lực đế quốc và bọn phản động quốc tế hết sức lo sợ, tìm mọi cách chống phá hòng thủ tiêu Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Mỹ công khai ủng hộ, giúp đỡ Pháp quay lại xâm lược Việt Nam và Đông Dương. Đế quốc Anh xuất phát từ quyền lợi thực dân và theo quỹ đạo của Mỹ cũng ra sức ủng hộ ý đồ của thực dân Pháp tái chiếm Đông Dương.

Trên thực tế, chính quyền cách mạng non trẻ của ta phải đối phó với muôn vàn khó khăn, đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Bên trong, “giặc đói”, “giặc dốt”, giặc nội phản hoành hành. Bên ngoài, giặc ngoại xâm liên tục tấn công. Từ vĩ tuyến 16 trở ra là 20 vạn quân Tưởng, từ vĩ tuyến 16 trở vào có hơn 1 vạn quân Anh và hơn 6 vạn quân Nhật cùng nhiều đảng phái phản động lăm le lật đổ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, lập lại chính quyền tay sai và cướp nước ta lần nữa. “Giặc đói”, “giặc dốt”, “giặc ngoại xâm” đang đe dọa vận mệnh dân tộc ta.

2. Chủ trương cứu vãn hòa bình của Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

Với dã tâm cướp nước ta một lần nữa, ngày 23/9/1945 được sự giúp đỡ của quân Anh, thực dân Pháp nổ súng gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương lần thứ hai, rồi mở rộng đánh chiếm Nam Bộ và Nam Trung Bộ, tìm cách đưa quân ra Bắc Bộ, đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, Hải Dương, gây nhiều vụ xung đột, khiêu khích ở Hà Nội.

Trước tình hình đó, cùng với việc củng cố chính quyền, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm các biện pháp đấu tranh mềm dẻo nhằm duy trì hòa bình, giữ vững độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Để tranh thủ thời gian củng cố lực lượng cách mạng, tránh phải đối phó với nhiều kẻ thù, khi thì chúng ta tạm thời hoà hoãn với quân Tưởng để rảnh tay đối phó với quân Pháp, khi thì tạm thời hoà hoãn với Pháp để đuổi quân Tưởng và bọn tay sai ra khỏi đất nước.



Phát lệnh toàn quốc kháng chiến- Ảnh tư liệu

Chúng ta đã chủ động đàm phán với Pháp để tránh cuộc chiến tranh, giữ hòa bình cho cả hai dân tộc, giữ độc lập tự do cho Tổ quốc, rồi ký Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946, sau đó ký Tạm ước ngày 14/9/1946. Chủ tịch Hồ Chí Minh còn gửi thư tới nguyên thủ các nước Anh, Mỹ, Liên Xô và các thành viên của Liên hợp quốc, nêu rõ thiện chí hoà bình, mong mọi Liên hợp quốc chấp nhận những yêu cầu chính đáng của Việt Nam để duy trì hoà bình. Đồng thời, Người liên tục gửi thư cho Chính phủ, Quốc hội, Thủ tướng Pháp và cử phái viên đến gặp người cầm đầu Pháp ở Đông Dương, tìm cách cứu vãn hoà bình, tránh cuộc chiến tranh đổ máu. Nhưng giới cầm quyền thực dân đã khước từ mọi nỗ lực cứu vãn hoà bình của chúng ta.

Chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới. Bất chấp những thiện chí hòa bình của Việt Nam, trong các ngày 15 và 16/12/1946, quân Pháp nổ súng gây hấn nhiều nơi ở Hà Nội. Ngày 17/12/1946, chúng cho xe phá các công sự của ta ở phố Lò Đúc, rồi gây ra vụ tàn sát đẫm máu ở phố Hàng Bún và phố Yên Ninh. Ngày 18/12/1946, tướng Môle gửi cho ta hai tối hậu thư đòi chiếm đóng Sở Tài chính, đòi ta phải phá bỏ mọi công sự và chướng ngại trên các đường phố, đòi để cho chúng làm nhiệm vụ giữ gìn trị an ở Hà Nội. Chúng tuyên bố nếu các yêu cầu đó không được Chính phủ Việt Nam chấp nhận thì quân Pháp sẽ chuyển sang hành động chậm nhất là sáng ngày 20/12/1946.

Vậy là kẻ thù đã đặt dân tộc Việt Nam trước hai con đường: một là khoanh tay, cúi đầu trở lại nô lệ; hai là đấu tranh đến cùng để giành lấy tự do và độc lập. Tình thế đó buộc Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta không có lựa chọn nào hơn là cầm vũ khí đứng lên chiến đấu, phát động cuộc kháng chiến toàn quốc để bảo vệ độc lập dân tộc.

Trích tài liệu tuyên truyền Ban Tuyên giáo TW

“Tất cả hãy sẵn sàng”

QĐND Online – Nhân dịp kỷ niệm 70 năm Ngày Bác Hồ ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Báo QĐND Online tổng hợp và giới thiệu các sự kiện lịch sử diễn ra ở giai đoạn này để làm rõ hơn ý chí bảo vệ độc lập, tự do của cả dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trước Cách mạng tháng Tám, thực dân Pháp đã nuôi dã tâm xâm lược Việt Nam một lần nữa. Sau ngày Việt Nam tuyên bố độc lập (2-9-1945), thực dân Pháp đã thỏa thuận với quân

Anh, quân Tưởng để thực hiện mục tiêu này. Dù đã rất nỗ lực trên mọi phương diện nhằm tránh chiến tranh, nhưng cuối cùng nhân dân ta buộc phải cầm súng chiến đấu.

Mưu đồ thực dân Pháp

Âm mưu tái chiếm Đông Dương của thực dân Pháp đã được hoạch định ngay từ khi nước Pháp còn bị phát xít Đức chiếm đóng, nhất là khi quân Đồng minh thắng trận. Ngày 14-3-1945, Charles de Gaulle - lãnh tụ kháng chiến lưu vong đã ra tuyên bố: “Đông Dương sẽ được thành lập theo kiểu liên bang gồm năm xứ (Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ, Cao Miên, Ai Lao), liên bang Đông Dương cùng với nước Pháp xây dựng thành khối liên hiệp Pháp mà quyền đối ngoại sẽ do Pháp đại diện”.



Chủ tịch Hồ Chí Minh ký hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946 với đại diện Pháp Sainteny tại số 4 phố Lê Lai (Hà Nội). Ông Hoàng Minh Giám đọc bản hiệp định. Ảnh tư liệu.

Ngày 22-8-1945, De Gaulle đến Washington hội đàm với Tổng thống Mỹ Truman. Tại đây, Hoa Kỳ chính thức thừa nhận bằng văn bản chủ quyền của Pháp trên đất Đông Dương. Ngày 12-8-1945, thực dân Pháp cho biệt kích nhảy dù, đưa sĩ quan cai trị xuống phía Bắc Việt Nam. Đêm 22-8, máy bay không quân Hoàng gia Anh đã thả một tốp người xuống vùng biên giới Việt Nam - Campuchia, trong đó có Đại tá Cédille, người được De Gaulle trao chức ủy viên Cộng hòa tại Nam Kỳ. Ngày 24-8-

1945, Pháp – Anh ký thỏa hiệp về nguyên tắc và cách thức khôi phục chủ quyền của Pháp tại Đông Dương.

Cuối tháng 8-1945, với danh nghĩa vào Đông Dương tước khí giới quân Nhật, 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch tràn xuống phía bắc vĩ tuyến 16, thực hiện âm mưu chiếm đóng lâu dài. Trong khi đó, cũng với danh nghĩa trên, Sư đoàn 20 quân đội Hoàng gia Anh kéo theo quân Pháp chuẩn bị vào phía nam vĩ tuyến 16, giúp Pháp tái chiếm Đông Dương, lập lại thuộc địa cũ.

Tướng Douglas D. Gracey, Tư lệnh Sư đoàn 20 quân đội Hoàng gia Anh, đã vu cáo ta không giữ được trật tự và lệnh cho quân Nhật đến thay thế. Ngày 4-9-1945, các tiểu đoàn Nhật từ các tỉnh Nam Bộ kéo về Sài Gòn - Chợ Lớn, chúng đòi Ủy ban hành chính địa phương tước khí giới và giải tán các lực lượng vũ trang cách mạng. Ngày 6-9-1945, một đại đội gồm 120 lính Pháp của Trung đoàn thuộc địa số 5 mặc quân phục Anh trà trộn cùng quân Anh đến Sài Gòn. Pháp kiêu, trong đó số đông công chức, mật thám cũ, chủ nhà băng, chủ đồn điền... kéo nhau ra đón đoàn quân Pháp mặc quân phục Anh, cuồng nhiệt reo hò “nước Pháp đã trở lại xứ Đông Pháp”. Dựa vào quân Anh, được quân Nhật hỗ trợ và có thêm lực lượng, quân Pháp tiếp tục gây ra hàng loạt vụ khiêu khích. Bọn Trốt-kít, bọn lưu manh thừa cơ tụ tập gây ra những vụ kích động, điển hình như vụ tàn sát người Pháp ở khu Hê-rôn - Tân Định. Lấy cớ đó, bộ tư lệnh Anh ra lệnh cho tổng hành dinh quân Nhật buộc chính quyền ta phải giải tán dân quân, cấm biểu tình, cấm thường dân mang vũ khí, kể cả dao gậy. Quân Nhật được lệnh làm cảnh sát giữ trật tự trong thành phố.

Ngày 10-9-1945, đại diện phái bộ Anh ngang ngược đòi chiếm Nam Bộ

phủ (dinh toàn quyền cũ). Liên tiếp từ ngày 11 đến 12-9-1945, Gracey cùng một lữ đoàn thuộc Sư đoàn 20 Hoàng gia Anh và hai đại đội còn lại của tiểu đoàn biệt kích thuộc trung đoàn thuộc địa số 5 của Pháp đổ bộ xuống sân bay Tân Sơn Nhất. Sau đó một tiểu đoàn lính thuộc địa Anh Gốc-kha đến Sài Gòn. Gracey cho quân chiếm luôn sân bay Biên Hoà.

Trước tình thế phức tạp, Ủy ban nhân dân Nam Bộ phải nhượng bộ, dời trụ sở của mình về dinh đốc lý, giao Nam Bộ phủ cho quân Anh, bọn phản động gồm Đại Việt và Trốt-kít lại có dịp “kết tội” Chính phủ, tung ra khẩu hiệu đả kích Ủy ban nhân dân và Kỳ bộ Việt Minh thiếu kiên quyết bảo vệ chủ quyền.

Phản bội lời hứa chỉ dùng dinh toàn quyền cũ cho phái bộ Đồng minh, Gracey đã trao ngay Nam Bộ phủ cho Đại tá Cédille của Pháp. Ngày 14-9, Gracey ra thông báo cấm nhân dân mang vũ khí và biểu tình; ban hành lệnh giới nghiêm ban đêm; đình bản tất cả báo chí ở Nam Bộ. Sau khi nhận chức thống đốc Nam Kỳ, ngày 19-9, Cédille họp báo trắng trợn tuyên bố: “Việt Minh không đại diện cho nhân dân Việt Nam, Việt Minh bắt lạt, Pháp có nhiệm vụ lập lại trật tự, sau đó sẽ thành lập chính phủ phù hợp với tuyên bố ngày 24-3...”.

Ngày 21-9, Gracey ra lệnh thiết quân luật và thỏa thuận với Cédille về việc “lập trật tự ở Sài Gòn”. Hành động đầu tiên sau thỏa thuận này là việc kiểm soát khám lớn Sài Gòn. Ngày 22-9, quân Anh lạng lẽ thay thế quân Nhật tiếp quản khám lớn, thả tù binh Pháp. Ngày 22-3, tại trại lính trung đoàn thuộc địa số 11 (11e RIC) bị Nhật chiếm từ đêm 9-3-1945 và làm nơi giam giữ lính Pháp; 1.500 tù binh Pháp khỏe mạnh được tuyển chọn, phân phát khí giới,

biên chế thành đơn vị, toả ra các địa điểm hiểm yếu ở trung tâm thành phố. Số còn lại được giữ tại trại để chờ lệnh. Chiều ngày 22-9, quân Pháp lại lạng lẽ thay thế quân Nhật, chiếm giữ nhiều đồn cảnh sát ở Sài Gòn.

3 giờ ngày 23-9-1945, quân Pháp được quân Anh trợ lực tổ chức đánh úp Sài Gòn mở màn cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Hàng loạt mục tiêu quân sự, chính trị, kinh tế chủ yếu của ta trong thành phố bị tiến công: Sở Cảnh sát, nhà Mật thám, Kho bạc, nhà Đền... Các lực lượng bảo vệ của ta dũng cảm chống trả, nhưng vì lực lượng địch đông gấp bội, các trận địa trên đều lần lượt rơi vào tay địch.

Ngày 5-2-1946, trong cuộc họp báo, tướng Philippe Leclerc tuyên bố: “Công cuộc bình định Nam Kỳ và Nam Trung Kỳ đã hoàn thành”. Sự thật là, sau 5 tháng (tháng 9-1945 đến tháng 2-1946), quân dân Nam Bộ, Nam Trung Bộ đã chiến đấu hết sức anh dũng, làm thất bại kế hoạch “lấy Nam Kỳ trong 18 ngày” của Leclerc và gây tổn thất cho địch đến mức độ chỉ huy Pháp phải thừa nhận sau hai tháng số chết, bị thương, ốm đau đã mất một phần ba quân số; quân viễn chinh đã phải đương đầu với một cuộc chiến tranh “kỳ lạ”.

Nỗ lực vì độc lập, tự do

Đoán được âm mưu của thực dân Pháp, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động tìm mọi biện pháp đối phó. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tăng cường các hoạt động ngoại giao để tìm kiếm hòa bình, độc lập, tránh xung đột đổ máu. Tuy nhiên, mọi nỗ lực ngoại giao và sự nhẫn nhịn của ta không đem lại kết quả mong muốn bởi mưu đồ hiếu chiến của thực dân Pháp.

Tại hội kiến giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với Sainteny, đại diện Cao ủy

Pháp vào ngày 15-10-1945, Chính phủ Pháp yêu cầu Việt Nam thừa nhận việc quân đội Pháp trở lại Bắc Kỳ thay thế quân đội Trung Hoa. Tiếp đó, ngày 25-2-1946, lại có cuộc gặp giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với Sainteny, Chủ tịch nêu rõ lập trường của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà là “độc lập và hợp tác với Pháp”. Sainteny cũng khẳng định: Chính phủ Pháp sẵn sàng công nhận Việt Nam có quyền có chính phủ, có nghị viện, có quân đội, có tài chính riêng, đồng thời ở trong khối Liên hiệp Pháp. Hai bên đều công nhận: Phải có một không khí bớt căng và hoà hảo thì mới có thể mở cuộc điều đình có kết quả. Vì vậy, điều kiện thứ nhất là khi bắt đầu mở cuộc điều đình chính thức, hai bên phải đình chiến ngay khắp các mặt trận.



Phố Tràng Tiền (Hà Nội), trước ngày Toàn quốc kháng chiến (19-12-1946). Ảnh tư liệu.

Ngày 5-3-1946, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ở Lành Canh (nay thuộc xã Vân Canh, Hoài Đức, Hà Tây), quyết định hoà hoãn với Pháp. Hiệp định Sơ bộ Pháp - Việt được ký kết ngày 6-3-1946 nêu rõ: “Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hoà là một quốc gia tự do, có chính phủ của mình, tài chính của mình và là một phần tử trong Liên bang Đông Dương và trong khối Liên hiệp Pháp”.

Sau khi 1.200 quân Pháp được phép đến Hà Nội thay thế quân Tưởng, bất chấp mọi cố gắng đàm phán của Việt Nam, quân Pháp vẫn khiêu khích, phá hoại việc thi hành Hiệp định Sơ bộ. Các hội nghị sau đó đều không kết quả. Ngày 14-9-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký một bản tạm ước với Pháp sau khi hội nghị Phông-ten-nơ-bơ-lô không thành công.

Tuy đã ký Tạm ước 14-9, nhưng Pháp vẫn ráo riết tấn công về quân sự, hòng bắt ta nhượng bộ nhiều hơn, tiến tới đặt lại tuyến thống trị trên khắp nước ta. Ở miền Bắc, chúng gây ra những vụ khiêu khích xâm phạm chủ quyền. Ngày 20-11, lấy cớ bảo vệ Hoa kiều, thực hiện quan thuế liên bang, thực dân Pháp nổ súng vào bộ đội ta và chiếm đóng ga Hải Phòng. Cùng ngày, quân Pháp ở Lạng Sơn lấy cớ đi tìm xác binh lính Pháp bị Nhật giết, để do thám các vị trí đóng quân của ta, cho xe tăng đi thị uy, dùng binh lính đánh chiếm một số vị trí quân ta. Bị lực lượng vũ trang ta chống lại, chúng nổ súng đánh chiếm nhiều công sở. Mặc dù ta cố gắng dàn xếp, nhưng chúng vẫn không chịu rút quân, còn khủng bố dã man đồng bào ta. Ngày 27-11, Bộ Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương ngang ngược đòi ta phá bỏ những vật chướng ngại để quân Pháp được tự do đi lại trên đường Hải Phòng - Đồ Sơn.

Ngày 6-12, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho Quốc hội Pháp, tố cáo các giới thực dân Pháp ở Đông Dương theo đuổi chính sách dùng vũ lực, vi phạm trắng trợn bản Tạm ước 14-9 và yêu cầu Pháp phải rút quân về các vị trí trước ngày 20-11. Cùng ngày, Chính phủ ta cử đại diện gặp Sainteny trao đổi ý kiến. Sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại hội kiến với Sainteny, nhưng những cố gắng của ta để duy trì hòa

hoãn, ngăn cản cuộc chiến tranh không được phía Pháp đáp lại. Trái lại, chúng càng lấn tới.

Ngày 17-12, quân Pháp trắng trợn bắn vào trụ sở tự vệ ta, gây ra vụ thảm sát đồng bào hết sức dã man ở phố Yên Ninh và Hàng Bún (Hà Nội). Ngày 18-12, quân Pháp chiếm Bộ Tài chính và Bộ Giao thông công chính. Trong ngày 18, Pháp chuyển cho ta hai bức thư, lời lẽ như những tối hậu thư, đòi phá hủy những chướng ngại trên đường phố để quân Pháp tự do đi lại, đòi tự đảm nhiệm việc trị an ở Hà Nội.... Trong thời điểm hết sức căng thẳng này, Đảng ta khẳng định: “Sự thật đã chứng minh rằng: Thực dân Pháp ngang nhiên khiêu hấn. Chúng định dùng vũ lực bắt ta phải nhượng bộ. Nhưng không khi nào ta chịu”.

Ngày 18-12-1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại làng Vạn Phúc (nay thuộc thị xã Hà Đông) dưới sự chủ trì của đồng chí Hồ Chí Minh. Hội nghị nhận định, thời kỳ hòa hoãn đã qua và quyết định cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp vào đêm 19-12-1946. Sáng 19-12, Ban Thường vụ Trung ương Đảng gửi các mặt trận khu 1, 2, 3, 4, 11, 12 và Đà Nẵng bức thư điện sau: “Giặc Pháp đã hạ tối hậu thư đòi tước vũ khí của quân đội, tự vệ và công an ta. Chính phủ đã bác bức tối hậu thư ấy. Như vậy chỉ trong vòng 12 giờ là cùng, chắc chắn giặc Pháp sẽ nổ súng, Chỉ thị của Trung ương: “Tất cả hãy sẵn sàng”. (Còn nữa)

MẠNH THẮNG (tổng hợp)

Tài liệu tham khảo:

1. Chiến đấu trong vòng vây
2. Mở đầu toàn quốc kháng chiến

Báo Quân đội nhân dân

“60 NGÀY ĐÊM KHỎI LỬA”

KHÚC TRẮNG CA CỦA QUÂN VÀ DÂN THỦ ĐÔ

Đêm 19-12-1946, dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân dân Hà Nội đã nổ súng “Mở đầu toàn quốc kháng chiến”. Với tinh thần “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh”, quân và dân Thủ đô đã giam chân địch trong thành phố suốt 60 ngày đêm, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, đập tan âm mưu đánh úp của thực dân Pháp, bảo vệ an toàn cho Trung ương Đảng, Chính phủ, tạo điều kiện cho cả nước chuẩn bị mọi mặt và vững tin bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ. “60 ngày đêm khò lửa”, quân và dân Thủ đô viết nên khúc tráng ca hào hùng trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, góp phần làm tỏa sáng giá trị văn hiến nghìn năm Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội.



Người chiến sĩ ôm bom ba càng sẵn sàng “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Ảnh tư liệu

Quân số của Pháp hơn gấp 2,6 lần quân ta, vũ khí, trang bị, phương tiện kỹ thuật hiện đại và lớn hơn nhiều lần lực lượng của ta. Tuy bất lợi về lực lượng, nhưng quân dân Thủ đô vẫn không nao núng, chấp hành nghiêm mệnh lệnh của Bộ Tổng chỉ huy, bình tĩnh, tự tin, sẵn sàng mọi mặt cho cuộc chiến được dự báo trước đầy cam go, quyết liệt. Các khu phố và liên khu phố

đều thành lập các đội làm công tác cứu thương, tiếp tế, phá hoại, tình báo, giao thông, tản cư, địch vận, trừ gian, các tổ sản xuất và sửa chữa vũ khí, quân cụ. Các đơn vị tự vệ có sự giúp sức của thanh niên các địa phương, đã bí mật đào đắp công sự chiến đấu, đào giao thông hào, tạo vật chướng ngại, hình thành các chiến lũy ở các cửa ô và trên đường phố để ngăn cản cơ giới địch; đục lỗ bắn, đục tường thông nhà ở các dãy phố để cơ động chiến đấu. Nhiều gia đình ở Hà Nội đã ủng hộ toàn bộ tiền nghi quý trong nhà như: Sập gụ, tủ chè, trường kỷ, thậm chí cả vật dụng, đồ thờ của gia đình, dòng họ để xây dựng chiến lũy...

Ngày 16-12-1946, tại trụ sở của Bộ Chỉ huy mặt trận Hà Nội, Chỉ huy trưởng Vương Thừa Vũ đã báo cáo toàn bộ công tác chuẩn bị tác chiến của lực lượng vũ trang Hà Nội với các đồng chí trong cơ quan Tổng chỉ huy là Võ Nguyên Giáp và Hoàng Văn Thái. Chủ tịch Ủy ban bảo vệ Khu 11 và Bộ Chỉ huy Mặt trận Hà Nội đã ra mệnh lệnh chuẩn bị chiến đấu cho toàn thể lực lượng vũ trang Thủ đô nêu rõ: Vệ quốc đoàn, dân quân tự vệ, công an xung phong toàn thành từ giờ phút này phải chuẩn bị gấp. Bất kỳ lúc nào có lệnh, toàn thể bộ đội, dân quân tự vệ, công an phải triệt để tấn công vào các vị trí địch theo như nhiệm vụ của đơn vị đã định trong kế hoạch.

Sau khi nhận được mệnh lệnh, tại nhiều địa điểm trong thành phố, các chiến sĩ Vệ quốc quân, Quyết tử quân, dân quân tự vệ đã làm lễ tuyên thệ với lời thề: “Sống chết với Thủ đô”, “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh”. Với lòng yêu nước và ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ

quốc, bảo vệ nền độc lập của dân tộc, quân dân Thủ đô sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu quyết tử với quân thù. Cuộc chiến đấu của quân dân Thủ đô trở thành biểu tượng sáng ngời về ý chí kiên cường và truyền thống đoàn kết “cả nước đồng lòng, toàn dân đánh giặc”.

Chiều 19-12, Bộ Chỉ huy Chiến khu 11 ra Mệnh lệnh tấn công cho lực lượng vũ trang toàn thành phố, quyết giành quyền chủ động trong chiến tranh, phá tan ngay từ đầu âm mưu đánh úp của thực dân Pháp, theo phương án đã được Bộ Tổng chỉ huy phê duyệt, 20 giờ 3 phút ngày 19-12-1946, khi đèn điện thành phố vụt tắt, quân dân Hà Nội đồng loạt tiến công 21 vị trí quân Pháp đóng quân và hoàn toàn làm chủ tình thế, dựa vào công sự, chiến lũy và thế liên hoàn của các căn nhà, dãy phố, kiên cường chiến đấu gây cho địch nhiều tổn thất. Các chiến sĩ “cảm tử quân” ôm bom ba càng lao vào diệt xe tăng, thiết giáp, gây nên nỗi kinh hoàng cho quân Pháp. Hình ảnh dũng cảm, kiên cường của chiến sĩ cảm tử trở thành biểu tượng của ý chí “quyết tử để Tổ quốc quyết sinh”. Trên toàn thành phố, các cuộc tập kích địch liên tiếp nổ ra, ngăn chặn bước tiến của địch. Mỗi căn nhà, mỗi góc phố, mỗi xóm làng nội, ngoại thành Hà Nội thực sự là một pháo đài chiến đấu kiên cường, vững chắc.

Trong 60 ngày đêm chiến đấu, với phương thức “không đánh trận địa với địch, không đương đầu với hỏa lực mạnh của địch, không rõ địch không đánh”, quân dân Thủ đô luôn giành thế chủ động tiến công, chiến đấu dũng cảm, kiên cường, đầy mưu trí sáng tạo. Kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngự và tiến công, giữa đánh du kích và đánh vận động, giữa đánh ở bên trong và đánh từ bên ngoài, dùng những phân đội nhỏ có tính cơ động nhanh, dựa

vào chiến lũy, những căn nhà, ngõ phố, ban ngày chặn đánh không cho địch cơ động, phát triển chiến đấu, ban đêm luôn lách, tập kích quân địch khắp mọi nơi đẩy chúng lâm sâu vào thế bị động đối phó. Với hơn 100 trận đánh trong nội thành, quân Pháp chỉ chủ động tiến công ta khoảng 30 trận, còn lại là ta chủ động tiến công địch. Qua 60 ngày đêm chiến đấu quân dân Thủ đô đã loại khỏi vòng chiến đấu gần 2.000 tên địch, phá hỏng 22 xe tăng và xe thiết giáp, 31 xe vận tải, bắn rơi và bắn hỏng 7 máy bay địch, bắn chìm 2 ca nô. Vừa đánh vừa phát triển lực lượng, ngày 6-1-1947, Trung đoàn Liên khu 1 (tiền thân của Trung đoàn 102 - Thăng Long, Sư đoàn 308 ngày nay) được thành lập ngay trong lòng địch, tạo thêm niềm phấn khởi, tin tưởng không chỉ quân dân trên mặt trận Hà Nội mà cho quân dân cả nước. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ giam chân địch, Trung đoàn Thủ đô đã thực hiện cuộc lui quân “thần kỳ”, rút khỏi thành phố trong vòng vây khép kín của kẻ thù, vượt qua sông Hồng, lên Chiến khu an toàn.

“60 ngày đêm chiến đấu” mở đầu Toàn quốc kháng chiến của quân dân Hà Nội kết thúc thắng lợi, góp phần quan trọng bảo vệ cơ quan Trung ương, Chính phủ, các đoàn thể và các cơ quan của thành phố rút lên Chiến khu an toàn, làm thất bại hoàn toàn âm mưu chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp. Cuộc chiến đấu dũng cảm, kiên cường, mưu trí của quân dân Thủ đô Hà Nội là bức tranh hoành tráng khắc họa đậm nét cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện của Thủ đô Hà Nội. Đồng thời, để lại kinh nghiệm quý báu về nghệ thuật tác chiến trong thành phố và ý chí, tinh thần quyết đánh, quyết thắng và biết thắng. Chiến công của quân dân Thủ đô trong 60 ngày đêm đã phát huy tác dụng cổ vũ tinh thần, khí thế và trí tuệ của quân dân cả nước, tạo điều kiện

thuận lợi để đất nước bước vào cuộc kháng chiến một cách chủ động, vững vàng, tự tin, tạo tiền đề cho quân dân cả nước thực hiện thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Khúc tráng ca “60 ngày đêm khói lửa” - mở đầu toàn quốc kháng chiến đã, đang và sẽ tiếp tục là nhịp bước quân hành của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Thủ đô, là động lực tinh

thần to lớn để quân dân Thủ đô vượt qua mọi khó khăn, thử thách, vững bước trên con đường đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng Thủ đô ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

Thiếu tướng Nguyễn Thế Kết
Chính ủy Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội

Báo Hà Nội mới

HƯỜNG ỨNG LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN, CẢ DÂN TỘC ĐOÀN KẾT MỘT LÒNG CHIẾN ĐẤU CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC, GIÀNH THẮNG LỢI VẺ VANG

1. Chuyển đất nước vào thời chiến và chuẩn bị kháng chiến lâu dài

Thủ đô Hà Nội, nơi có Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh là nơi thực dân Pháp có ý định đánh úp cơ quan đầu não và tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta đã trở thành chiến trường chính trong những ngày đầu kháng chiến toàn quốc. Sau đòn tiến công chủ động, đồng loạt và bất ngờ lúc 20 giờ ngày 19/12/1946, quân và dân Thủ đô tiếp tục triển khai thế trận chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc. Trải qua 60 ngày đêm chiến đấu kiên cường, anh dũng, sáng tạo, quân và dân Hà Nội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ an toàn cho cơ quan đầu não, tản cư, bảo đảm an toàn cho nhân dân; chuyển hàng ngàn tấn máy móc, vật tư ra An toàn khu, tạo tiềm lực ban đầu cho kháng chiến. Quân và dân Thủ đô đã đánh hàng trăm trận, làm tiêu hao nhiều sinh lực địch, giam chân chúng dài ngày trong thành phố, tạo điều kiện để cả nước bước vào chiến tranh, triển khai thế trận chiến đấu lâu dài.

Phối hợp với Thủ đô Hà Nội, quân và dân các đô thị ở Bắc vĩ tuyến 16 cũng giành được thắng lợi quan trọng. Quân và dân Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh du kích, đánh phá kế hoạch bình định, kiềm chế không cho địch đưa lực lượng chi viện cho Trung Bộ và Bắc Bộ.



Hưởng ứng Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đêm 19/12/1946, quân dân Thủ đô Hà Nội đã nổ phát súng đầu tiên mở đầu cuộc kháng chiến, cùng quân và dân cả nước nhất tề vùng lên kháng chiến và đã giành được thắng lợi, giữ vững độc lập, chủ quyền của dân tộc. Trong ảnh: Đại đoàn quân ta từ các cửa ô tiến vào giải phóng Thủ Đô. Ảnh: Tư liệu TTXVN

Đồng thời, cùng với những cuộc chiến đấu trực tiếp với quân Pháp, chúng ta thực hiện cuộc tổng di chuyển các cơ quan, kho tàng, máy móc vào An toàn khu. Đến tháng 3/1947, các cơ quan của Trung ương Đảng, Chính phủ, Quân đội, Mặt trận đã được chuyển lên Việt Bắc an toàn. Việt Bắc trở thành Thủ đô của cuộc kháng chiến toàn quốc. Ở các địa phương cũng diễn ra việc di chuyển cơ quan vào các vùng nông thôn hoặc những nơi rừng núi, thiết lập hệ thống thông tin liên lạc giữa các địa phương và Trung ương ở chiến khu Việt Bắc. Nhân dân các vùng có chiến sự cũng triệt để thi hành chính sách “vườn không nhà trống”, tản cư ra vùng tự do.

Chỉ sau một thời gian ngắn, mọi hoạt động của đất nước đã chuyển hướng theo hoàn cảnh thời chiến và phục vụ kháng chiến lâu dài. Cuộc chiến đấu oanh liệt, sáng tạo của quân, dân Thủ đô Hà Nội và của cả nước trong những ngày đầu Toàn quốc kháng chiến đã giáng một đòn mạnh vào chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” và ý chí xâm lược của kẻ thù, làm tiền đề vững chắc cho những thắng lợi tiếp theo của cuộc kháng chiến.

2. Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và dựa vào sức mình là chính; vừa kháng chiến vừa kiến quốc, giành thắng lợi về vang

Khi cơ hội tìm kiếm giải pháp hòa bình không còn, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng chủ động mở đầu cuộc kháng chiến đúng thời điểm và kịp thời chuyển cả nước vào thời chiến, xây dựng thực lực và thế trận chiến tranh nhân dân. Căn cứ địa kháng chiến được củng cố, đời sống đồng bào dần ổn định, bước đầu tổ chức lại sản xuất. Hoạt động đối ngoại được tăng cường làm cho nhân dân tiến bộ thế

giới, trước hết là nhân dân Pháp hiểu biết về cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam.

Về phía Pháp, với bản chất cố hữu của kẻ thực dân, nên sau khi được tăng cường lực lượng, chúng mở rộng vùng chiếm đóng, ráo riết thực hiện đòn tấn công quyết định để sớm kết thúc chiến tranh. Thu - Đông năm 1947, Bộ Chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương huy động lực lượng lớn, mở cuộc hành quân lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não, tiêu diệt quân chủ lực, phá tan căn cứ kháng chiến của ta. Nhưng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và tinh thần sáng tạo, quyết tâm cao, quân và dân ta chiến đấu ngoan cường, giành thắng lợi về vang trong chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông năm 1947, làm thất bại hoàn toàn chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp, mở ra giai đoạn mới cho cuộc kháng chiến.

Không thể sớm kết thúc chiến tranh theo ý định, các nhà cầm quân Pháp buộc phải chuyển sang “đánh kéo dài”, thực hiện chính sách “dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, đồng thời tiến hành “Chiến tranh tổng lực”, tăng cường đánh phá nhiều cơ sở của ta. Trước âm mưu của địch, chúng ta không ngừng chiến đấu, phối hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh kinh tế và chính trị; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng tiềm lực kháng chiến.

Đến năm 1950, lực lượng kháng chiến của ta trưởng thành về mọi mặt, Đảng và Chính phủ quyết định mở Chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng một phần vùng biên giới phía Bắc, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, khai thông đường liên lạc quốc tế với các nước xã hội chủ nghĩa.

Sau 29 ngày đêm chiến đấu kiên cường, quân dân ta đã làm nên thắng lợi quan trọng, tạo ra bước ngoặt căn bản, đưa cuộc kháng chiến của quân và dân ta bước sang giai đoạn phản công và tiến công. Quân Pháp lui dần về thế phòng ngự.

Lợi dụng sự sa lầy cuộc chiến tranh Đông Dương của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ tăng cường viện trợ cho Pháp, ngày càng can thiệp sâu vào cuộc chiến này nhằm thực hiện âm mưu ngăn chặn phong trào cộng sản tràn xuống Đông Nam Á và sẵn sàng thay Pháp để kéo dài chiến tranh. Trước tình hình đó, Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2/1951) xác định nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam lúc này là tiêu diệt thực dân Pháp xâm lược và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành độc lập, thống nhất hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới. Phát huy thế tiến công chiến lược, quân dân ta giành được những thắng lợi quan trọng trên các chiến trường như Hòa Bình, Tây Bắc, Thượng Lào,... Chiến tranh nhân dân phát triển đã đẩy quân địch lún sâu vào thế bị động. Trong khi đó, thế và lực của cuộc kháng chiến ngày càng được củng cố, lực lượng vũ trang ba thứ quân được tăng cường, bộ đội chủ lực ngày càng vững mạnh, hậu phương được củng cố là chỗ dựa, góp phần quan trọng vào thắng lợi của tiền tuyến.

Hòng xoay chuyển tình thế, dựa vào viện trợ Mỹ, Pháp lập kế hoạch Nava nhằm lấy lại quyền chủ động, tiến tới tiêu diệt bộ đội chủ lực ta để kết thúc chiến tranh. Tuy nhiên, trước sự chỉ đạo chủ động, linh hoạt của Trung ương Đảng, Bộ Tổng tư lệnh, sự chiến đấu kiên cường dũng cảm của quân và dân ta, kế hoạch trên bị thất bại, buộc Nava phải đưa quân chủ lực lên Điện Biên Phủ, biến nơi đây thành tập đoàn

cứ điểm khổng lồ để tiêu diệt “chủ lực Việt Minh”. Nhưng sau 56 ngày đêm chiến đấu kiên cường, quân và dân ta đập tan cố gắng quân sự cao nhất của thực dân Pháp, tạo nên “cột mốc bằng vàng” trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta, kết thúc oanh liệt cuộc tiến công Chiến lược Đông - Xuân 1953-1954, tạo điều kiện thuận lợi cho đấu tranh ngoại giao đi đến ký kết Hiệp định Giơnevơ, chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương.

Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng. Cách mạng Việt Nam bước vào một thời kỳ mới: thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc.

Khi đất nước ta mới giành được chính quyền chưa được bao lâu thì lại rơi vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, nhưng nhờ Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định đúng tình hình, đưa ra đường lối đúng đắn, phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, giành được thắng lợi vẻ vang. Ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cả dân tộc ta đang ra sức phấn đấu thực hiện nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh đất nước sau 30 năm đổi mới đã có sự thay đổi cơ bản và toàn diện, nhưng bên cạnh những thuận lợi cơ bản, vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức.

Kỷ niệm 70 năm Ngày Toàn quốc kháng chiến là dịp để chúng ta ôn lại và phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, khơi dậy lòng tự hào, tự tôn dân tộc, quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới đất nước vì mục tiêu: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG

ĐỔI SÁCH LINH HOẠT, CHỌN ĐÚNG THỜI CƠ

LTS: Cách đây 70 năm, vào đêm 19-12-1946, với ý chí “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”, toàn dân tộc Việt Nam nhất tề đứng dậy, anh dũng chống thực dân Pháp xâm lược, mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc.

Sự kiện Toàn quốc kháng chiến khẳng định ý chí bảo vệ độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam và để lại nhiều bài học quý giá. Nhân kỷ niệm sự kiện trọng đại này, Báo Hà Nội mới trân trọng giới thiệu loạt bài “Toàn quốc kháng chiến - Bản hùng ca ngời sáng ý chí Việt Nam”.

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời, một thành tựu vĩ đại của chặng đường đấu tranh đầy hy sinh và anh dũng của dân tộc. Tuy nhiên, thực dân Pháp không dễ từ bỏ miền thuộc địa màu mỡ, rắp tâm quay trở lại cai trị nước ta. Ngày 23-9-1945, Pháp đã nổ súng tấn công Sài Gòn chính thức mở màn cho cuộc chiến tranh tái chiếm Việt Nam và Đông Dương. Trong khi đó, Nhà nước cách mạng non trẻ đang đứng trước vô vàn thử thách, chính quyền chưa được củng cố vững chắc, thù trong giặc ngoài nhiều hơn bao giờ hết...

Trước tình thế đó, bằng con đường ngoại giao, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh ra sức tìm kiếm giải pháp nhằm giữ độc lập, tự do, hòa bình cho đất nước. Chúng ta đã nhân nhượng ký Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Tạm ước (14-9-1946).

Tuy vậy, với dã tâm cướp nước ta một lần nữa, thực dân Pháp đã bội ước. Ngày 20-11-1946, lấy cớ bảo vệ Hoa kiều và thực hiện quan thuế liên

bang, chúng phong tỏa cảng Hải Phòng. Cùng ngày, viện cớ đi tìm hài cốt binh lính Pháp bị Nhật giết hại trước đây, thực dân Pháp cho xe tăng thị uy rồi nổ súng đánh chiếm Lạng Sơn. Tại Hà Nội, chúng phân phát vũ khí cho khoảng 7.000 Pháp kiều, lập thêm nhiều ổ tác chiến quanh khu vực đóng quân; cho xe tăng, xe bọc thép tràn ra các đường phố, cho binh lính xé cờ đỏ sao vàng, tấn công vào công an ta, bắn vào tàu điện,... hành động leo thang của Pháp làm cho tình hình hết sức căng thẳng.

Sớm nhận biết “không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình nhất định phải đánh Pháp”[1], cho nên Đảng ta không ảo tưởng vào các văn bản mà Pháp đã ký kết, mà khẳng định: “Điều cốt tử là trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp, không những không ngừng một phút công việc sửa soạn, vẫn sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu, mà còn hết sức xúc tiến việc ấy và nhất định không để đàm phán với Pháp làm nhụt ý tinh thần quyết chiến của dân tộc ta”[2].

Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh coi đàm phán với Pháp nhằm để kéo dài thời gian chuẩn bị, tạo thế, tạo lực cho cuộc kháng chiến. Do vậy, Đảng không phát động cuộc kháng chiến ngay từ tháng 9-1945, khi thực dân Pháp nổ súng tấn công Nam Bộ, mà vừa chỉ đạo kháng chiến ở miền Nam, vừa củng cố thực lực. Bởi lẽ lúc này, kẻ thù bao vây tứ phía, âm mưu bóp chết chính quyền cách mạng “non trẻ”, phát động toàn quốc kháng chiến sẽ rơi vào tình thế cực kỳ bất lợi, nếu không muốn nói là “tự sát”, sẽ khó khăn cho ta trong việc giữ vững chính quyền - “vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng”.

Để có thực lực cho cuộc kháng chiến của cả nước, vấn đề đặt lên hàng đầu là củng cố chính quyền từ Trung ương tới địa phương, tổ chức tổng tuyển cử, lập Quốc hội, vừa tạo cơ sở pháp lý, khẳng định chủ quyền dân tộc trước thế giới; phát huy hiệu lực của chính quyền trong chuẩn bị chiến tranh, bài trừ nội phản, chống giặc đói, giặc dốt, cải thiện sức dân...

Song song với việc chỉ đạo Nam Bộ kháng chiến và tổ chức phong trào cả nước hướng về Nam Bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng ra sức chuẩn bị về tư tưởng, đường lối, tổ chức, lực lượng cũng như xây dựng quyết tâm kháng chiến cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân... Cuối tháng 12-1946, Đảng chủ trương phát động Toàn quốc kháng chiến, khi đã tạo nên những thuận lợi cơ bản: Sau gần 16 tháng lực lượng cách mạng đã được chuẩn bị mọi mặt cả về vật chất và tinh thần, Đảng đã trưởng thành một bước trong chỉ đạo chiến tranh cách mạng; đội ngũ đảng viên được tăng cường, chính quyền cách mạng ngày càng được củng cố vững mạnh; lực lượng vũ trang có bước phát triển mới, có thêm kinh nghiệm chiến đấu từ Nam Bộ kháng chiến. Đặc biệt là chúng ta đã xây dựng quyết tâm chiến đấu và niềm tin tất thắng trong nhân dân. Đây là động lực to lớn để thúc đẩy cách mạng phát triển; là nhân tố tiên quyết đảm bảo cho cuộc kháng chiến giành thắng lợi. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “Không quân đội nào, không khí giới nào có thể đánh ngã được tinh thần hy sinh của toàn thể một dân tộc”[3].

Trong khi ta ráo riết chuẩn bị thế và lực, thì khi thực dân Pháp ngày càng lấn tới, lộ rõ âm mưu dùng sức mạnh quân sự tái chiếm nước ta. Dân tộc Việt Nam bị đặt trước hai con đường: Một là, chịu khoanh tay cúi đầu làm nô

lệ cho thực dân Pháp. Hai là, đoàn kết đấu tranh đến cùng để bảo vệ nền độc lập dân tộc mới giành được. Lịch sử đòi hỏi, Đảng ta đã phát động Toàn quốc kháng chiến vào đêm 19-12-1946 - một quyết định đúng thời cơ. Đảng không phát động sớm hơn, bởi như thế chúng ta tự rút ngắn thời gian chuẩn bị, trong khi chưa chuẩn bị được là bao.

Cũng không thể muộn hơn, bởi khi đó Pháp đã có quân tăng viện, cuộc chiến đấu sẽ có nhiều khó khăn hơn. Đồng thời trong tình thế quân địch đã có lực lượng ở Thủ đô, có ưu thế tuyệt đối về lực lượng và phương tiện, lại đóng xen kẽ với ta, nếu để cho kẻ thù đánh trước, lực lượng ta sẽ bị tổn thất, thậm chí chúng có thể vây bắt cơ quan đầu não lãnh đạo kháng chiến. Trên thực tế, Pháp đã gửi tối hậu thư, đòi trước khí giới của ta, đòi quyền giữ trật tự trị an, nếu không sẽ hành động. Và hơn nữa, “nín nhịn đã nung nấu trong lòng dân tộc ta biết bao uất hận, nổ thành sức mạnh xung thiên”[4] cho toàn dân bước vào cuộc kháng chiến với niềm tin tất thắng, với tinh thần “Cảm tử để cho Tổ quốc quyết sinh”...

Trên cơ sở sớm phát hiện kẻ thù chủ yếu và nguy cơ chiến tranh, chủ động chuẩn bị, lại nhạy bén phát hiện tình hình, nhận định đúng thời cơ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng quyết định phát động Toàn quốc kháng chiến, chủ động nổ súng đánh trước vào đêm 19-12-1946 ở Thủ đô Hà Nội và nhiều thành phố, thị xã khác. Đó là cả một vấn đề mang tính nghệ thuật. Đảng đã chuẩn bị đầy đủ những điều kiện và chủ động để bước vào cuộc kháng chiến lâu dài, tạo nên tiền đề quan trọng cho thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Để chiến đấu và chiến thắng kẻ thù xâm lược hùng mạnh, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo

lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam, kế thừa và phát triển truyền thống đánh giặc giữ nước của ông cha để tìm ra lời giải chính xác cho câu hỏi bức thiết của lịch sử. Đó là đường lối chiến tranh nhân dân toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến với phương châm lâu dài và dựa vào sức mình là chính. Đường lối đó đã phát huy sức mạnh tổng hợp của cuộc chiến tranh nhân dân, nhờ vậy mà ta càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng. Đó là “một trong những đường lối chiến đấu hoàn hảo nhất của thời đại chúng ta”[5].

Từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, đến ngày Người ra Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến là khoảng thời gian vô cùng quan trọng của lịch sử nước nhà... Những đổi sách linh hoạt, những chủ trương, biện pháp sáng tạo của Đảng và Chủ

tịch Hồ Chí Minh trong đối phó với kẻ thù, xây dựng chế độ mới và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thể hiện bản lĩnh, trí tuệ thiên tài, nghệ thuật lãnh đạo cách mạng của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Và mãi là những bài học vô giá đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 8, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000, tr.133

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 8, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000, tr.46

[3] Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 4, Nxb CTQG, Hà Nội, 2011, tr.89

[4] Trường Chinh, Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam, Tập 2, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1976, tr.22.

[5] Xã luận Báo Chiến đấu, nước Cộng hòa nhân dân Cônggô, số ra ngày 12-9-1969.

PGS, TS Nguyễn Văn Bạo
/ Báo Hà Nội mới

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH RA “LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN” QUYẾT TÂM CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC, BẢO VỆ TỔ QUỐC



Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1946. Ảnh tư liệu

Ngày 18 và 19/12/1946, tại Vạn Phúc, Hà Đông (nay thuộc Thành phố Hà Nội), Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì, đề ra đường lối, quyết định cả nước bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Chiều ngày 19/12/1946, Bộ Trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp quyết định chuyển đến các đơn vị lực lượng vũ trang mật lệnh về ngày và giờ của cuộc giao chiến trong toàn quốc. 20 giờ ngày 19/12/1946, tín hiệu bắt đầu kháng chiến toàn quốc được phát ra, đồng thời quân và dân Thủ đô Hà Nội nổ

súng mở đầu cuộc kháng chiến trong toàn quốc.

Sáng ngày 20/12/1946, Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (viết ngày 19/12/1946) được phát đi khắp cả nước:

“Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu quốc đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

Đó là lời hịch cứu nước, thể hiện ý chí quyết tâm sắt đá của cả dân tộc, khơi dậy sức mạnh chủ nghĩa yêu nước, truyền thống anh hùng bất khuất; động viên, thôi thúc, cổ vũ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta bước vào cuộc kháng chiến giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (viết xong ngày 12-12-1946) và tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của Tổng Bí thư Trường Chinh đã xác lập đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và dựa vào sức mình là chính; trở thành ánh sáng soi đường cho dân tộc ta đi đến thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRANG BỊ KIẾN THỨC QUÂN SỰ CHO QUÂN VÀ DÂN TA CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nhất là từ nửa cuối năm 1946, trước âm mưu và hành động hiếu chiến của thực dân Pháp, nguy cơ chiến tranh trên phạm vi cả nước ngày càng tới gần. Dưới bút

đanh Q.Th và Q.T, Chủ tịch Hồ Chí Minh lần lượt công bố 23 bài viết về quân sự trên báo Cứu quốc - Cơ quan ngôn luận của Đảng ta hồi đó, nhằm góp phần trang bị kiến thức quân sự thiết yếu cho quân và dân ta chuẩn bị

bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ



Tự vệ thành Hà Nội sẵn sàng đánh địch. Ảnh tư liệu.

Tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện

Phân tích tính chất, quy mô của cuộc chiến tranh, Người khẳng định: "Trước kia chỉ đánh nhau về một mặt quân sự, nhưng ngày nay đánh nhau về đủ mọi mặt quân sự, kinh tế, chính trị, tư tưởng nên người ta gọi là toàn diện chiến tranh. Chiến tranh ngày nay phức tạp và hết sức khó khăn. Không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó, không thể nào thắng lợi được".⁽¹⁾

Để nhân dân hiểu rõ thế nào là toàn dân kháng chiến, Người giải thích rất đơn giản, dễ hiểu: "Cậu bé chăm chỉ học hành trong nhà trường cũng là kháng chiến. Anh dân cày cày ruộng ngoài đồng ruộng, anh thợ cặm cui trong nhà máy, chị bán hàng buôn bán ngược xuôi, ông già xách giỏ đi câu cũng là kháng chiến. Các công chức, các nhà văn, nhà báo mài miết trước bàn giấy, cạnh tủ sách cũng là kháng chiến. Các y sinh, khán hộ lẫn lộn bên giường bệnh cũng là kháng chiến. Các nhà giàu có đem hết tài lực mở mang xưởng thợ, khai thác ruộng đất cũng là kháng chiến. Đó là toàn dân kháng chiến".⁽²⁾

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, kháng chiến toàn dân đã bao hàm kháng chiến toàn diện. Để đánh bại chiến tranh tổng lực của kẻ thù, nhất thiết ta phải dùng sức mạnh của toàn dân, phải chú trọng xây dựng sức mạnh quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa và ngoại giao. Do đó, toàn thể nhân dân Việt Nam không phân biệt trai gái, trẻ già, giai cấp, đảng phái, tín ngưỡng và nghề nghiệp... đều phải trở nên chiến sĩ đấu tranh trên mặt trận quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa.

Thực hiện toàn dân kháng chiến, Người yêu cầu chú trọng động viên tinh thần. Nghĩa là phải tập trung hết thảy lực lượng tinh thần, ý chí, tư tưởng của từng cá nhân và của toàn quốc dân hướng về một chiều để cùng đi tới một mục đích: kháng chiến thắng lợi. Muốn vậy, phải hết sức chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, có phương pháp động viên, tổ chức lực lượng phù hợp mới phát huy được sức mạnh đoàn kết, lòng yêu nước, tính năng động, sáng tạo của nhân dân trên tất cả các mặt.

Trường kỳ kháng chiến, trải qua nhiều giai đoạn gian khổ

Trên cơ sở phân tích âm mưu và thủ đoạn của thực dân Pháp, Người nhận định: "Chiến lược của chúng là chiến lược tiến công đánh chớp nhoáng".⁽³⁾ Chúng sẽ huy động lực lượng cùng các loại vũ khí tối tân hòng đè bẹp cuộc kháng chiến của nhân dân ta từ trong trứng nước, sớm kết thúc chiến tranh. Để đối phó thực dân Pháp, quân và dân ta cần quán triệt, thực hiện chiến lược đánh lâu dài, từng bước chuyển hóa thế và lực có lợi cho ta.

Trước kia, Tôn Tử nêu nguyên tắc, chiến tranh cần giải quyết thật nhanh chóng. Còn trường kỳ kháng chiến của ta thì lại áp dụng những nguyên tắc quân sự trái ngược, vì đây là chiến tranh tự vệ, chiến tranh giải

phóng dân tộc. Một nước vừa giành được độc lập, từ tay không đứng lên chống giặc ngoại xâm, thì trường kỳ kháng chiến là con đường tất yếu nhằm có thời gian tạo lực, tạo thế, càng đánh càng mạnh, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi cuối cùng. Do đó, cuộc kháng chiến của nhân dân ta "cần chuẩn bị đầy đủ và tất nhiên qua nhiều giai đoạn khổ sở, gian lao".

Do so sánh lực lượng quân sự, thời kỳ đầu, Người chỉ dẫn quân và dân ta "áp dụng chiến lược phòng ngự" nhằm ngăn chặn, tiêu hao một bộ phận sinh lực địch, tạo thế và thời cơ để tổ chức phản công, tiến công. Phòng ngự, theo Người không phải cố chết để giữ mà phải luôn giữ thế tiến công, chủ động tiến công địch lúc khởi đầu chiến tranh, trước khi đối phương kịp hành động; chủ động tìm địch mà đánh, tiến công địch khắp mọi nơi. Đồng thời, phải thực hiện "chiến lược tiêu hao sinh lực địch", bởi đây là "chiến lược rất màu nhiệm trong cuộc chiến tranh tự vệ". Trong tình hình so sánh quân sự nghiêng về phía địch, phải hết sức tránh những trận quyết chiến bất lợi. Vì vậy, "dù có phải rút lui ở một vài căn cứ cũng không lấy gì làm ngạc nhiên" và cũng không nên "cố chết để giữ bo bo một thành thị nào nếu xét ra chưa có lợi". Vấn đề là làm thế nào để bảo toàn, phát triển lực lượng "chờ thời cơ trừ diệt quân địch".

Phương pháp tác chiến và chiến thuật

Trong bài "Chiến lược của quân ta và của quân Pháp", Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Về phương pháp tác chiến, chúng ta áp dụng vận động chiến song song với du kích chiến".⁽⁴⁾ Vận động chiến có mục đích trừ diệt phần lớn quân địch, còn du kích chiến là làm sao cho lực lượng dân quân, tự vệ có mặt khắp nơi, vừa quấy rối, vừa làm hao mòn lực lượng của địch, buộc

chúng phải dàn quân trên một diện rộng đối phó với ta.

Để thực hiện du kích chiến, Người chỉ dẫn phải tổ chức đội cảm tử, đội phá hoại, đội đánh úp, đội đánh mai phục, đội cướp lương thực, súng đạn, đội trinh sát, đồng thời phải triệt để thực hiện "vườn không nhà trống". Trong thành phố phải đào hầm thông qua các phố, dựng chướng ngại vật, "phải biến mỗi nhà thành một ổ kháng chiến". Ở các địa phương, phải tổ chức lực lượng, dùng đủ mọi phương pháp để cản trở quân địch, khiến cho địch đến đâu cũng bị tiêu hao lực lượng, không thể tiến quân được. Để kháng chiến, "mỗi làng ngay từ bây giờ phải biến ra một thành lũy kháng chiến". Trên các đường giao thông phải đắp nhiều đất, đặt nhiều địa lôi, nhất là nơi cầu, cống. Nếu có xe tăng, thiết giáp của địch qua, ta sẽ dùng địa lôi để phá hủy cầu, đường và phá hủy xe tăng địch...

Người yêu cầu trong tác chiến "bắt luận một động tác gì cũng phải nhanh. Hành quân nhanh, đánh trận nhanh, súng bắn nhanh". Nhưng nhanh chóng không phải là hấp tấp, vội vàng mà phải tuân theo nguyên tắc "vừa nhanh vừa có mưu cơ". Phải luôn giữ địa vị chủ động, tránh nơi mạnh, đánh nơi yếu, hành động bí mật, nhanh chóng, chính xác. Đánh giữ, tiến thoái phải luôn luôn biến đổi hợp với thời cơ, hợp với tình hình trên mặt trận. Nhanh như chớp, biến hóa như thần.

Đó là bí quyết của phép dụng binh.

Đặc biệt, phải tuyệt đối giữ bí mật lực lượng, phương tiện, thời gian và cách đánh: thời kỳ tiến đánh quân địch đã đến nhưng làm thế nào cho quân địch tưởng là chưa đánh vội; tiến đánh những nơi rất hiểm yếu nhưng địch lại sơ hở, không đề phòng. Trong tác chiến, phải hết sức khéo léo, linh hoạt:

Có lúc phòng ngự để tiến công, có lúc rút lui để tiến lên phía trước. Có lúc đánh cạnh sườn để rồi đánh chính diện. Có lúc đánh đường vòng để rồi đánh đường thẳng. Đồng thời, phải dùng cả biện pháp tuyên truyền, vận động để không đánh mà thuyết phục được binh lính địch.

Phương pháp vận dụng địa hình, địa thế

Nội dung này được Chủ tịch Hồ Chí Minh giới thiệu trong các bài "Bàn về địa hình", "Địa thế" và "Phương pháp chiến đấu và hành quân trên các địa hình". Người khẳng định: Trong quân sự, địa hình, địa thế là một trong những yếu tố hết sức quan trọng, không nghiên cứu tận tường, lợi dụng một cách có hiệu quả thì không thể xuất trận thành công được. Người nhấn mạnh ưu thế về thiên thời, địa lợi, nhân hòa của ta: "Từ hang cùng ngõ hẻm, núi sâu rừng rậm, đâu đâu cũng là đất nước Việt Nam, đâu đâu cũng có dân Việt Nam ở. Quân địch tiến đến chỗ nào, không thuộc địa hình, địa vật bằng dân quân Việt Nam ở chỗ đó".⁽⁵⁾

Người chỉ dẫn cho quân và dân ta cách lợi dụng và chiến đấu trên các loại địa hình, địa thế thường gặp, nhất là cách ứng biến và phương pháp hành quân, chiến đấu trên các địa hình bằng phẳng, địa hình dốc, địa hình núi non hiểm trở, vùng đồng bằng, vùng có nhiều sông ngòi, đầm ao... Người chỉ ra sáu loại địa hình cần tránh trong lúc tiến quân: đường độc đạo lên dốc núi cao; thung lũng trũng xung quanh có núi cao bao bọc; khu rừng núi quanh co tiến vào dễ nhưng ra khó; những nơi cây cối um tùm, gai góc rậm rạp tiến thoái không được tự do; những đồng lầy; những đường độc đạo... Người căn dặn: Nếu gặp những địa điểm trên này phải trinh sát hết sức cẩn thận, tránh bị rơi vào cạm bẫy của địch.⁽⁶⁾

Phương pháp động viên kinh tế cho kháng chiến

Dưới nhan đề "Động viên kinh tế", Người viết: "Một cuộc kháng chiến lâu dài để giữ vững chủ quyền của đất nước... không thể không chú ý vấn đề động viên kinh tế". Người nêu lên sáu phương pháp động viên kinh tế: 1) Động viên lao động, nghĩa là phải huy động, phân bố, phân công lao động hợp lý, chú trọng trưng dụng nhân tài để tăng thêm lực lượng kháng chiến. 2) Động viên giao thông, là huy động, phát triển các phương tiện giao thông; tổ chức lực lượng xây dựng, sửa chữa kịp thời hệ thống giao thông phục vụ kháng chiến, kiến quốc. 3) Động viên công nghệ là mở nhiều xưởng sản xuất đáp ứng nhu cầu kháng chiến; khuyến khích tư nhân phát triển công nghệ; sẵn sàng di chuyển máy móc thiết bị, nguyên liệu đến vùng hẻo lánh. 4) Động viên nông nghiệp, là có chính sách khuyến khích nhân dân mở mang nông nghiệp, tăng thêm diện tích cày cấy, khai khẩn đất hoang, cải tiến công cụ. 5) Động viên tài chính, là biết huy động vàng bạc trong nhân dân, phát hành công trái, thu ngân sách để bảo đảm quốc phòng. 6) Tiết kiệm, phải lập ủy ban để kiểm soát việc cung cấp, tiêu dùng lương thực, định giá cả, phân phối hợp lý; tiết kiệm tiền bạc, lương thực, nguyên vật liệu; nghiêm cấm tiêu dùng xa xỉ, vô ích...⁽⁷⁾

Từ các nội dung nêu trên, nét đặc sắc là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm xác định đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ kháng chiến, dựa vào sức mình là chính; xây dựng nên một hệ thống lý luận quân sự phù hợp trình độ tác chiến, trang bị vũ khí, điều kiện kinh tế, khoa học kỹ thuật của ta trong những ngày đầu Toàn quốc kháng chiến. Tư duy ấy hàm chứa sâu sắc tư tưởng truyền thống "cả nước đánh giặc", "trăm họ đều là binh", "lấy ít

địch nhiều", "lấy đoản binh chế trường trận"; kết hợp chặt chẽ các yếu tố "thiên thời, địa lợi, nhân hòa", "lực, thế, thời, mưu" để đánh địch. Những kiến thức quân sự cơ bản đó đã được quân và dân ta tiếp thu, vận dụng thành công trong 30 năm chiến tranh cách mạng (1945-1975), hiện vẫn còn nguyên giá trị trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

(1) "Hình thức chiến tranh ngày nay" - Q.Th, Báo Cứu quốc, số 351, ngày 20-9-1946

(2) "Toàn dân kháng chiến" - Q.T, Báo Cứu quốc, số 83, ngày 5-11-1945

(3); (4) "Chiến lược của quân ta và của quân Pháp" - Q.T, Báo Cứu quốc, số 434, ngày 13-12-1946

(5) "Chiến đấu vì chính nghĩa" - Q.T, Báo Cứu quốc, số 427, ngày 6-12-1946

(6) "Phương pháp chiến đấu và hành quân trên các địa hình" - Q.T. thuật, Báo Cứu quốc, số 406, ngày 15-11-1946

(7) "Động viên kinh tế" - Q.T, Báo Cứu quốc, số 434, ngày 13-12-1946

TS. TRẦN ANH TUẤN

**(Viện Lịch sử quân sự Việt Nam) /
Báo Nhân dân**

BẢO VỆ ĐỊA BÀN TÂY BẮC, GÓP PHẦN VÀO THẮNG LỢI CỦA TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

Địa bàn Tây Bắc thuộc Quân khu 2 ngày nay có diện tích hơn 65.000km² (bằng 1/5 diện tích cả nước), án ngữ phía bắc và tây bắc Bắc Bộ, là địa bàn chiến lược quan trọng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, do địa hình núi non trùng điệp, dân cư thưa thớt, đa phần là đồng bào các dân tộc thiểu số, giao thông đi lại khó khăn nên luôn bị các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá cách mạng nước ta.

Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thành công, hầu hết các địa phương trên cả nước đã giành được chính quyền, nhưng ở Tây Bắc, các tỉnh: Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang và thị xã Vĩnh Yên chính quyền vẫn chưa thuộc về nhân dân. Trong khi đó, ngay từ cuối tháng 8 đầu tháng 9-1945, gần 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch tràn qua các tỉnh biên giới phía Bắc để vào nước ta. Theo gót chúng là lực lượng phản động Việt quốc, Việt cách với âm mưu tiêu diệt Đảng Cộng sản, phá tan Việt Minh,

lật đổ chính quyền nhân dân, lập chính quyền phản động. Cùng với lực lượng trên, một số quân Pháp trước đây chạy trốn quân Nhật từ Vân Nam - Trung Quốc tiến vào Bắc Lào và tràn sang đánh chiếm tỉnh Lai Châu với ý đồ từng bước chiếm lại toàn bộ vùng Tây Bắc. Tại Lai Châu, chúng đưa tên phản động Đèo Văn Long lên cầm đầu bộ máy ngụy quyền, trực tiếp chỉ huy quân ngụy địa phương.

Từ tháng 12-1945 đến tháng 2-1946, giặc Pháp và quân ngụy đánh chiếm Lai Châu, sau đó mở rộng đánh chiếm tỉnh Hòa Bình, Sơn La và Lào Cai, kiểm soát toàn bộ Đường số 6, âm mưu lập các xứ Thái, xứ Mường, xứ Mèo tự trị. Như vậy, quân-dân Tây Bắc đã sớm phải chống chọi lại sự xâm lược của giặc Pháp. Từ tháng 11-1945 đến tháng 4-1946, Bộ Tổng tham mưu điều 7 đại đội Vệ quốc đoàn lên Tây Bắc để tăng cường lực lượng đánh địch ở Sơn La và khu vực biên giới Việt - Lào nhằm giữ vững hướng chiến lược

này. Đồng thời, từ cuối năm 1945 đến trước ngày Toàn quốc kháng chiến, các đơn vị Vệ quốc đoàn chủ lực đầu tiên của Chiến khu 1 và Chiến khu 2(1) lần lượt ra đời như: Trung đoàn 87 (Vĩnh Yên), Trung đoàn 92 Phú Yên (Phú Thọ - Yên Bái), Trung đoàn 171 (Trung đoàn Lao - Hà) ở Lào Cai và Hà Giang, Trung đoàn 112 (Tuyên Quang), Tiểu đoàn độc lập 221 ở Phú Thọ; Chi đội giải phóng quân 3 Sơn La (sau này trở thành Trung đoàn 148). Ngoài những đơn vị cấp trung đoàn do chiến khu chỉ huy, ở các tỉnh, các địa phương còn thành lập các đơn vị dân quân tự vệ, ít nhất mỗi tỉnh có một đại đội, mỗi huyện có một trung đội.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, từ ngày 24-6 đến ngày 12-11-1946, dưới sự lãnh đạo, chỉ huy của đồng chí Bùi Quang Tạo, Xứ ủy viên Bắc Kỳ và đồng chí Bằng Giang - Tư lệnh Chiến khu 1, bằng sức mạnh tổng hợp, quân và dân trên địa bàn đã tiến hành chiến dịch truy quét dẹp trừ Quốc dân Đảng phản động trên dọc tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai, lần lượt giải phóng thị xã Vĩnh Yên, Bạch Hạc, Việt Trì, Phú Thọ, Yên Bái, Phố Lu, Lào Cai; đồng thời, xóa sổ các nhóm phản động tay sai Quốc dân Đảng ở Hà Giang.

Tiếp đó, tháng 7-1946, Pháp cho 5.000 quân từ biên giới Trung Quốc tràn về Lai Châu và Thượng Lào, rồi đẩy mạnh đánh chiếm Sơn La với âm mưu nhanh chóng chiếm toàn bộ vùng Tây Bắc. Ở Lào Cai, sau khi chiếm được Phong Thổ và Bình Lự, tháng 12-1946, quân Pháp chiếm Than Uyên, Yên Bái, uy hiếp Phú Thọ và căn cứ địa Việt Bắc.

Trước diễn biến phức tạp và khẩn trương của tình hình, được sự lãnh đạo của Trung ương và Khu ủy, Bộ chỉ huy quân và dân Chiến khu 10 và Chiến khu 2(2), quân-dân Tây Bắc đã kịp thời

chuyển hướng đối phó với âm mưu của thực dân Pháp. Các địa phương đã chủ động tổ chức, bố trí lại lực lượng chiến đấu (cả bộ đội và dân quân du kích), nhằm giữ dân, giữ đất và chống địch lấn chiếm. Tuy vậy, nhiều nơi ở Tây Bắc, đặc biệt là Lai Châu, Sơn La vẫn tạm thời bị quân Pháp chiếm đóng. Ở Yên Bái, Lào Cai, chiến sự giữa ta và địch ở thế giằng co nhưng không kém phần quyết liệt...

Ở thời điểm này, chiến trường Tây Bắc hình thành 3 mặt trận chính: Sơn La, Yên Bái và Lào Cai, bộ đội và nhân dân đã chiến đấu ngoan cường, khắc phục muôn vàn gian khổ, thiếu thốn. Nhưng vì liên tục chiến đấu trong điều kiện trang bị, tiếp tế, sinh hoạt khó khăn nên sức chiến đấu giảm sút, trong khi nguồn bổ sung tại chỗ hết sức hạn chế. Trước tình hình đó, tiếp sức cho Mặt trận Tây Bắc, Bộ Quốc phòng điều tiếp một số đơn vị bộ đội lên Tây Bắc.



Ảnh minh họa / TTXVN.

Về phía Pháp, do cũng xác định Tây Bắc là mặt trận vô cùng quan trọng nên từ đầu tháng 1-1947, chúng ra sức tiến hành các hoạt động mở rộng phạm vi chiếm đóng, sử dụng bọn tay sai lỗi lạc kéo đồng bào các dân tộc bằng nhiều biện pháp để chống phá cách mạng, phá hoại sự nghiệp kháng chiến của nhân dân ta. Trước âm mưu, thủ đoạn mới của địch, dưới sự chỉ đạo của Khu ủy, các địa phương trên địa bàn Tây

Bắc tiếp tục củng cố, phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân và tổ chức phát động chiến tranh nhân dân bảo vệ địa bàn Tây Bắc.

Tại Sơn La, với sức mạnh áp đảo về binh lực, hỏa lực, thực dân Pháp tập trung lực lượng đánh theo lối vu hồi, mở rộng đánh chiếm, củng cố vị trí, tổ chức ngụy quyền tay sai, bắt lính, bắt phu. Tuy lực lượng còn quá mỏng, vũ khí trang bị thô sơ, nhưng quân ta đã kiên cường chiến đấu kìm hãm tốc độ lấn chiếm của địch, vừa chiến đấu vừa chú trọng bảo toàn lực lượng chuẩn bị chiến đấu lâu dài, giữ vững mặt trận, giữ đất, giữ dân và chờ quân tăng viện; đồng thời chủ động đánh vào sau lưng địch, không để cho địch nhanh chóng mở rộng vùng chiếm đóng. Rút kinh nghiệm những ngày đầu, ta thay đổi chiến thuật, bỏ lối rải mảnh mảnh, tập trung quân giữ các nơi xung yếu. Nhờ sự chuyển hướng này, trong tháng 2 và 3-1947, ta vẫn giữ vững được Yên Châu, Phiêng Ban.

Đầu tháng 4-1947, Pháp tiến chiếm Mộc Châu, Phù Yên là hai châu cuối cùng của mặt trận Sơn La. Đây là thời kỳ vô cùng khó khăn và thử thách của địa phương. Kẻ thù dùng lực lượng quân sự mạnh gấp bội, áp đảo lấn từng tấc đất, bản, Mường, sau đó chiếm toàn tỉnh Sơn La. Ở những nơi bị địch kiểm soát, phong trào cứu quốc bị tan rã, buộc ta phải rút lui để bảo toàn lực lượng. Cuối tháng 5-1947, Pháp mở cuộc hành quân lên Phú Thọ, Việt Trì, nhưng đã bị quân và dân chiến khu chặn đánh làm thiệt hại lớn, buộc phải rút lui.

Tại mặt trận Yên Bái, quân Pháp từ Than Uyên và Khau Cọ (Văn Bàn) nong ra khu vực Kim Nội, Ngọc Chiến. Bộ chỉ huy Khu 10 tổ chức lực lượng tấn công, địch hốt hoảng bỏ Than Uyên, rút ra đóng ở các ngã đường đi Sơn La, Phong Thổ, Lai Châu.

Cùng với chiến đấu ngăn chặn địch, quân dân Tây Bắc tranh thủ huấn luyện bộ đội và dân quân du kích, tổ chức cho đồng bào tản cư, tiến hành phá hoại, tiêu thổ kháng chiến, bố trí lại lực lượng, sẵn sàng đánh trả cuộc tiến công mới của địch. Do có nhiều biện pháp tích cực, sau gần 6 tháng từ ngày Toàn quốc kháng chiến, lực lượng vũ trang địa phương Chiến khu 10, Chiến khu 2 có sự chuyển biến mới, từng bước trưởng thành về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cuộc kháng chiến.

Bộ Chỉ huy Chiến khu chỉ đạo xây dựng an toàn khu ở đồng bằng Khánh Môn, Vần, Việt Hồng; tổ chức hai xưởng công binh khẩn trương sửa chữa súng đạn và sản xuất vũ khí thô sơ... Đồng thời, phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương các tỉnh vận động nhân dân triệt để “tiêu thổ để kháng chiến”, thực hiện phương sách “vườn không, nhà trống”, cất giấu, phân tán tài sản, lập các kho dự trữ lương thực, thực phẩm. Các huyện, xã đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện phòng gian, bảo mật; chỉ đạo lực lượng dân quân du kích các địa phương khẩn trương đắp các ụ đất, dựng chướng ngại vật trên các tuyến giao thông chính, nhất là các đường quốc lộ, nhằm ngăn chặn, cản trở bước tiến quân giặc. Đồng thời cử cán bộ quân đội xuống cơ sở vận động nhân dân tham gia bố phòng, đặt các bãi chông, chôn cọc nhọn vào các vị trí quân Pháp có thể nhảy dù; chăng dây, làm kè ngang sông, ngăn cản hoạt động của tàu, ca nô địch; giúp bộ đội chuẩn bị chiến trường.

Hưởng ứng lời kêu gọi “tiêu thổ kháng chiến”, “phá hoại để kháng chiến”, nhân dân trên địa bàn đã tự phá hoại nhà cửa, các kiến trúc kiên cố, đường bộ, đường sắt, cầu cống... Hàng chục triệu ngày công của nhân dân và

726.550 ngày công của dân quân tự vệ, các đội công binh đã được huy động vào việc phá hoại. Những trọng điểm như các thị xã, thị trấn, Nhà máy Đạm Phú Thọ, Nhà máy Giấy Việt Trì, cầu Đoan Hùng, cầu Yên Biên... được phá hoại triệt để nhằm ngăn chặn sự cơ động của quân Pháp. Chỉ tính riêng quân và dân Phú Thọ đã đào được 36.000m giao thông hào, 188 hầm bí mật, dựng 5.000m rào lũy. Vĩnh Yên xây dựng 18 làng chiến đấu, xẻ đào 36km đường lớn. Tuyên Quang phá 83km đường, 41.019m² nhà ở. Các địa phương khác cũng phá hủy nhiều đường sá, cầu cống để cản trở và ngăn chặn bước tiến của địch.

Kết hợp chặt chẽ với hoạt động tác chiến, thực hiện phá hoại và tiêu thổ kháng chiến là biểu hiện của quyết tâm sắt đá “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” của quân và dân Chiến khu 10 và Chiến khu 2 trong những ngày đầu Toàn quốc kháng chiến. Những kết quả đó đã gây rất nhiều khó khăn đối với giặc Pháp, đồng thời nhân hiệu quả đánh địch của quân và dân ta lên nhiều lần và sẵn sàng đối phó với âm mưu mới của địch. Cùng với đó, để góp phần xây dựng lực lượng chiến đấu, nhân dân trên địa bàn hằng hái mua công trái, góp quỹ nuôi quân, tổ chức “Hũ gạo kháng chiến”, hưởng ứng “Mùa đông binh sĩ” theo lời kêu gọi của Trung ương Đảng.

Thực hiện nhiệm vụ được Trung ương Đảng và Hội đồng Chính phủ giao, trong những ngày đầu Toàn quốc kháng chiến, công tác tổ chức, ổn định đời sống cho đồng bào tản cư được Khu ủy, Bộ tư lệnh Chiến khu cùng cấp ủy, chính quyền và nhân dân trên địa bàn đặc biệt chú trọng. Các cấp bộ đảng, chính quyền tích cực chuẩn bị thành lập các ban tản cư, đón tiếp, sắp xếp công việc; nhân dân các dân tộc

với tinh thần “lá lành đùm lá rách”, chu đáo, tận tình giúp đỡ đồng bào tản cư. Đến cuối năm 1947, Khu 10, Khu 14(3) đã xây dựng được nhiều kho tàng, trường học, đón tiếp hàng vạn đồng bào thủ đô Hà Nội và các tỉnh bị địch tạm chiếm đến tản cư, lập hơn 20 trại sản xuất nông nghiệp, 5 trại sản xuất thủ công nghiệp, 1 trại thiếu nhi, ủng hộ hàng chục tấn lương thực..., tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào tản cư ổn định đời sống, hằng hái tham gia kháng chiến. Từ ngày 4-3 đến ngày 1-4-1947, lực lượng vũ trang và nhân dân Phú Thọ vinh dự được đón và bảo vệ an toàn cho Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng đoàn cán bộ Trung ương Đảng và Chính phủ di chuyển lên căn cứ địa Việt Bắc an toàn.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng đáp lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân Tây Bắc đã kiên cường bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và lập nên nhiều thắng lợi có ý nghĩa quan trọng. Những kết quả bảo vệ địa bàn trong những ngày đầu Toàn quốc kháng chiến góp phần vào thắng lợi chung của dân tộc. Bài học về bảo vệ địa bàn Tây Bắc trong những ngày đầu Toàn quốc kháng chiến được lực lượng vũ trang Quân khu 2 và nhân dân trên địa bàn tiếp tục phát huy, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trong giai đoạn cách mạng mới, quân, dân Tây Bắc không ngừng quán triệt sâu sắc tư tưởng, ý chí “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tập trung nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ sẵn sàng chiến đấu và khả năng công tác; xây dựng lực lượng vũ trang quân khu vững mạnh, thực sự là chỗ dựa vững chắc, niềm tin cậy của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và cấp ủy, chính quyền địa

phương; luôn đồng sức, chung lòng cùng nhân dân các dân tộc trên địa bàn quân khu chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tạo động lực to lớn của nền quốc phòng toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

(1) Tháng 10-1945, Chính phủ thành lập các chiến khu trên cả nước. Các tỉnh: Lào Cai, Hà Giang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc của Tây Bắc thuộc

Chiến khu 1; các tỉnh: Lai Châu, Sơn La thuộc Chiến khu 2.

(2) Tháng 10-1946, các tỉnh thuộc Chiến khu 1 thành Chiến khu 10; hai tỉnh: Sơn La, Lai Châu vẫn thuộc Chiến khu 2.

(3) Từ tháng 9-1947, các tỉnh thuộc Chiến khu 10 và Chiến khu 2 được đổi thành Khu 10 và Khu 14.

**Thiếu tướng PHẠM ĐỨC DUYÊN /
BÁO QĐND**

VỀ NƠI BÁC VIẾT "LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN"

Nằm trong ngôi làng cổ ven bờ sông Nhuệ (phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội), Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những ngày này đón nhiều đoàn khách tới tưởng niệm, báo công với Bác.

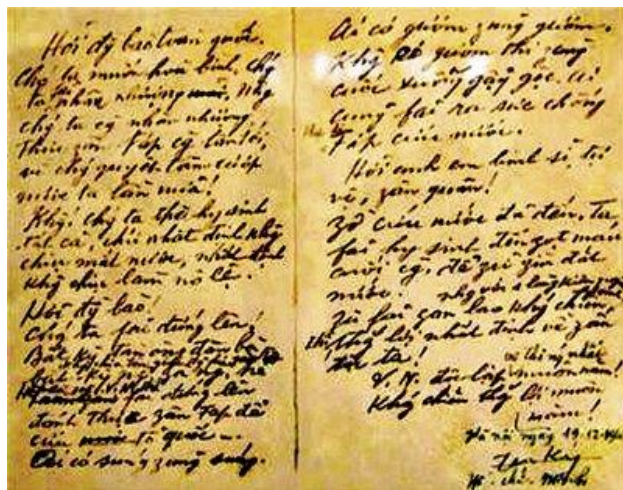


Nhà ông Nguyễn Văn Dương (làng Vạn Phúc, quận Hà Đông) nơi Bác Hồ viết "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến". Ảnh: Thanglonghanoi.net

Chính tại căn nhà này, ngày 18 - 19/12/1946, Người đã chủ trì Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng mở rộng, quyết định phát động cuộc kháng chiến trên phạm vi cả nước, vạch ra đường lối cơ bản của cuộc kháng chiến và ra "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến". Bút tích "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" sau này đã trở thành bảo

vật quốc gia và bản gốc đang lưu tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Di tích nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh nằm kín đáo giữa những dãy nhà cao tầng xung quanh, đủ cả sân vườn và ba dãy nhà kết cấu hình chữ U. Tầng 2 ngôi nhà chính là nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ ngày 3/12/1946 đến 19/12/1946, vẫn được bài trí như xưa.



Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 19/12/1946. (Bản chụp lại)

Căn buồng nhỏ xưa kia là của con trai thứ hai chủ nhà, cậu Tú Liêu và đã được nhường lại cho Bác để ở và làm việc. Phòng gồm một chiếc giường gỗ, ghé bàn, mắc áo được kê lại để phù hợp cho công việc và sinh hoạt của Bác

trong những ngày đông giá rét. Bên cạnh đó là một đèn và đôi tạ Bác dùng để tập thể dục hàng ngày. Các kỷ vật đã nhuộm màu thời gian, nhưng mọi người vẫn cảm nhận được hình dáng của Bác gần gũi đâu đây. Đặc biệt, trên bàn làm việc còn trưng bày bản phục chế “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” do Bác viết, với những ý, những dòng được chỉnh sửa để phù hợp như lời hịch kêu gọi đồng bào cả nước chung sức làm cách mạng. Bên cạnh đó là bản phục chế các trang báo Cứu quốc, mà theo người phụ trách di tích, chị Ngô Thị Minh Tâm thì trong thời gian Bác ở đây, các cán bộ vẫn thường xuyên chuyển báo cho Bác đọc để nắm tình hình trong và ngoài nước.

Căn phòng rộng hơn có bộ bàn ghế mây, là nơi Bác Hồ thường xuyên họp bàn với các đồng chí trong Ban Thường vụ Trung ương Đảng để thảo luận kế sách kháng chiến; đặc biệt là cuộc họp Ban chấp hành Trung ương mở rộng với sự tham gia của Bác và Tổng Bí thư Trường Chinh, Ủy viên Trung ương Lê Đức Thọ, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp thông qua Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Tại căn phòng này còn có một sập, giường, tủ tài liệu cũng là những kỷ vật liên quan đến thời gian Bác sống và làm việc tại đây. Hiện nay, để thuận lợi cho nhân dân và du khách tới tìm hiểu di tích, tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Quản lý di tích và danh thắng Hà Nội đã bố trí một ban thờ anh linh Bác ngay tại căn phòng này.

Tầng một ngôi nhà chính được trưng bày phụ trợ, minh họa sự kiện lịch sử những ngày đầu thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa và giới thiệu khái quát về cơ sở cách mạng ở Vạn Phúc, những hình ảnh tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc. Trong khuôn viên di tích còn hai dãy nhà dọc

được sử dụng làm phòng trưng bày về truyền thống cách mạng của Đảng bộ, nhân dân phường Vạn Phúc, phòng đón tiếp khách tham quan, nghiên cứu và học tập.

Chủ nhân của căn nhà là cụ Nguyễn Văn Dương, người đã thường xuyên nuôi giấu cán bộ cách mạng, trong đó có cả các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thụ. Ngôi nhà cũng là nơi gây dựng cơ sở cách mạng, tạo tiền đề cho cuộc kháng chiến chống Pháp trường kỳ. Với ý nghĩa trọng đại của sự kiện ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” và là nơi tổ chức các cuộc họp quan trọng của Trung ương, ngôi nhà của cụ Nguyễn Văn Dương được Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia vào tháng 2/1975.

Cháu đích tôn của cụ Nguyễn Văn Dương là Nguyễn Văn Hùng, đang ở giáp với di tích nhà lưu niệm, chia sẻ: “Là bậc con cháu, tôi rất tự hào khi ngôi nhà của cha ông trở thành di tích nhà lưu niệm Bác Hồ. Mỗi khi có đoàn khách tham quan, họ thường xuyên sang nhà tôi tìm hiểu về sự kiện Bác Hồ sống và làm việc tại đây, về giá trị ngôi nhà và truyền thống cách mạng của gia đình. Mặc dù sống ngay cạnh di tích hàng chục năm qua, nhưng mỗi lần sinh nhật Bác, đứng trong ngôi nhà, tôi lại trào dâng cảm xúc khó tả”.

Theo chị Ngô Thị Minh Tâm, cán bộ quản lý di tích nhà lưu niệm Bác Hồ, hàng năm, di tích đón trên 7.000 người là học sinh, thanh niên, các cơ quan đoàn thể trong cả nước và các đoàn khách quốc tế.

Đối với nhân dân vùng truyền thống cách mạng Vạn Phúc (quận Hà Đông), ngôi nhà lưu niệm Bác Hồ là luôn niềm tự hào của họ. Em Đỗ Thị Thu Hương, học sinh lớp 6A, Trường THCS Vạn Phúc cho biết: “Con thường

xuyên đến đây để tìm hiểu về Chủ tịch Hồ Chí Minh thông qua các kỷ vật. Con được biết, nơi đây Bác Hồ viết Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Khi tìm hiểu di tích, con càng kính yêu Bác Hồ hơn và cảm thấy Bác rất gần gũi, thân thương với chúng con”.

Sắp tới, ngôi nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ được mở rộng

khuôn viên, trùng tu lại khu trưng bày. 12 hộ dân xung quanh đã sẵn sàng di dời để nhường đất xây dựng khuôn viên di tích cho khang trang, như một lời tri ân đến công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đinh Thị Thuận /
<http://baotintuc.vn>

NAM TRUNG BỘ HUỖNG ỨNG LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

Sau cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng và nhân dân ta hết sức kiên trì, nhẫn nại để có hòa bình, xây dựng đất nước. Nhưng “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa”. Thực dân Pháp đã dùng vũ lực chiếm lại nước ta, chia cắt nước ta thành nhiều khu vực, gây thêm nhiều đau khổ cho đồng bào ta. Vì thế nhân dân ta phải kháng chiến, phải đánh thực dân Pháp để bảo vệ đất nước, giữ vững độc lập tự do, chủ quyền và để tự vệ, để giải phóng. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta là toàn dân, toàn diện và lâu dài. Quân và dân ta đánh Pháp với ý chí quyết chiến, quyết thắng đã được thể hiện trong Tuyên Ngôn độc lập ngày 2/9/1945 và Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Tháng 1/1946 ở Nam Trung Bộ thực dân Pháp tăng cường thêm quân và phương tiện chiến tranh vào Đà Nẵng, sau đó chúng đánh rộng ra các vùng xung quanh và tiếp tục đánh sâu vào các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận.... Để phối hợp với chiến trường chung trong toàn quốc. Lúc này, Khu 6 chủ trương gia tăng thêm lực lượng, lập Ủy ban Hành chính khu,

tỉnh, huyện, xã, lấy các phòng tuyến dân quân, huấn luyện dân quân tham gia đánh du kích, phối hợp với bộ đội lập các ban phá hoại địch, tiếp tế lương thực, tham gia sản xuất và xây dựng phòng tuyến đánh địch khi có lệnh kháng chiến. Đến ngày 15/1/1947 các mặt trận Phan Rang, Phan Thiết liên tục tiến công địch. Ở Bình Thuận cuối năm 1946 địch đã đóng giữ các vị trí quan trọng và thực hiện âm mưu củng cố vùng chiếm đóng như Hòa Đa, Phan Lý, Hàm Thuận.

Sau Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, khắp Nam Bộ diễn ra những trận chiến, nhiều cơ sở, hậu cần của địch, nhiều đồn điền cao su bị phá, nhiều đường giao thông bị đánh chặn và làm hư hỏng, làm cho giặc Pháp gặp nhiều khó khăn trong tổ chức vận chuyển và cơ động lực lượng.

Khắp các địa phương Cực Nam Trung Bộ, các lực lượng vũ trang nhân dân ta liên tiếp tấn công địch. Cán bộ chiến sĩ Trung đoàn 81, 82 tổ chức nhiều trận đánh ngăn chặn giao thông của địch trên quốc lộ 1, đường xe lửa Sài Gòn-Phan Thiết, đường số 11, đường xe lửa Tháp Chàm-Đà Lạt. Đêm 30/12/1946 một trận phục kích xuất sắc diễn ra tại Sông Phan. Một đoàn tàu

quân sự 20 toa của địch bị đánh lật nhào, trên 200 sĩ quan và binh lính chết và bị thương. Trung tuần tháng 1/1947 ở Phường Cừu và Đầm Đá, ta phục kích đánh địch diệt hàng trăm tên địch. Quân và dân 2 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận tập kích, gây rối các vị trí địch đóng ở Suối Ván, Lăng Ông, đền xe lửa Tháp Chàm, Hòa Trinh, Phan Rí, Đồng Me...

Biểu dương tinh thần kháng chiến anh dũng của quân và dân Nam bộ, Nam Trung Bộ, nhân 100 ngày toàn quốc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Trung ương Đảng, Chính phủ gửi thư khen ngợi “Trong cuộc kháng chiến cứu nước này, đồng bào Nam Bộ và Nam Trung Bộ phấn đấu đã lâu, hy sinh đã nhiều. Nhưng càng hy sinh, đấu tranh, đồng bào ta càng kiên quyết, càng dẻo dai, càng mạnh mẽ. Sự anh dũng của đồng bào trong đó đã làm gương cho đồng bào toàn quốc noi theo. Chúng ta đồng tâm hiệp lực, không sợ gian nan, kiên quyết đấu tranh đến cùng thì trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi, thống nhất độc lập nhất định thành công”.

Bằng sức mạnh của nhiều lực lượng tham gia đánh giặc, trong đó lực lượng vũ trang làm nòng cốt và bằng cách đánh du kích, một hình thức đấu tranh của đông đảo quần chúng nhân dân gây cho địch nhiều tổn thất và khó

khăn ngay từ những ngày đầu kháng chiến. Trong cuộc đấu tranh đó nhân dân ta nói chung và đồng bào Nam Trung Bộ nói riêng đã tỏ rõ khí phách anh hùng, bất khuất, mưu trí đánh giặc, sáng tạo; vừa đánh giặc vừa xây dựng lực lượng; xây dựng thế trận kháng chiến lâu dài.

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát huy cao độ chủ nghĩa dân tộc truyền thống, chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người Việt Nam làm cho cả dân tộc đứng lên kháng chiến với ý thức chính trị tự giác, lập trường kiên định vì độc lập, tự do. Chúng ta vừa kháng chiến vừa xây dựng hậu phương, đoàn kết liên minh chiến đấu và tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và sự đồng tình của quốc tế.

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến là một bài học giữ nước quý giá, là lời cảnh báo cho các thế lực xâm lược. Với ý chí quyết tâm “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ” thì mọi kẻ thù xâm lược đều phải chịu thất bại. Quân và dân Nam Trung Bộ đã góp một phần tích cực vào cuộc kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện của dân tộc đi đến thắng lợi vẻ vang.

Lê Thế Sơn /

<http://www.baobinhthuan.com.vn>

TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN - BÀI HỌC VỀ RÈN LUYỆN BẢN LĨNH CHÍNH TRỊ CHO QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM HIỆN NAY

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - Nhà nước công nông đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á ra đời, đánh dấu bước ngoặt vĩ

đại trong lịch sử dân tộc. Từ đây, nhân dân lao động của nước Việt Nam mới trở thành người chủ đất nước, có quyền tự quyết vận mệnh dân tộc sau gần một thế

kỷ chịu cảnh áp bức, nô dịch của chế độ thực dân, phong kiến.

Song, chính quyền cách mạng non trẻ mới giành được chưa bao lâu và đang phải đối mặt với muôn vàn khó khăn thử thách, thì thực dân Pháp núp bóng quân đồng minh vào giải giáp quân Nhật, đã trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Trong bối cảnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ ta đã nhân nhượng, tìm mọi cách đàm phán với Chính phủ Pháp nhằm cứu vãn chiến tranh, duy trì hòa bình để tập trung sức kiến thiết đất nước, chăm lo đời sống nhân dân. Nhưng mọi nỗ lực của chúng ta đều không thành, càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới. Chúng xé bỏ tất cả các hiệp ước hòa bình đã ký với ta (Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946). Không những thế, chiều 18-12-1946, chúng còn ngạo mạn gửi tới hậu thư đòi ta phải hạ vũ khí giao quyền bảo vệ Hà Nội cho chúng.

Trước âm mưu và hành động ngang ngược của thực dân Pháp, Thường vụ Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì, quyết định phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trên phạm vi toàn quốc. Đúng 20 giờ ngày 19-12-1946, quân và dân Hà Nội đồng loạt nổ súng mở đầu cho toàn quốc kháng chiến bùng nổ. Ngày 20-12-1946, "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được phát trên làn sóng Đài Tiếng nói Việt Nam. Trong giờ phút Tổ quốc lâm nguy, tình thế hết sức hiểm nghèo như "ngàn cân treo sợi tóc", từng câu từng chữ trong lời kêu gọi của Bác vang lên, thấm sâu vào tâm khảm mỗi người dân Việt Nam, khơi dậy lòng tự hào, tự tôn, truyền thống yêu nước, ý chí chiến đấu quật cường của dân tộc. Lời hiệu triệu đó đã tạo động lực thúc đẩy sức mạnh của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ Việt Nam trỗi dậy, với mọi thứ vũ khí sẵn có, với một tinh thần quyết chiến, quyết thắng cao

độ, "Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh", một thái độ dứt khoát và kiên định: "Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".



Nhân dân phố Mai Hắc Đế, Hà Nội dựng chướng ngại vật chặn bước tiến của quân Pháp trong ngày đầu toàn quốc kháng chiến, tháng 12-1946. Ảnh tư liệu.

"Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh thực sự là "Hịch cứu nước", trong đó kết tinh áng thiên cổ hùng văn "Hịch tướng sĩ" của Trần Hưng Đạo, "Lời thề xuất quân" của Quang Trung - Nguyễn Huệ,... khích lệ khí thế kiên quyết chống kẻ thù xâm lược. Hưởng ứng Lời kêu gọi của Người, quân và dân cả nước đã nhất tề đứng lên đánh giặc, cứu nước vì độc lập, tự do của dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân. Chiến thắng vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Pháp, kết thúc bằng Chiến dịch Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu" (tháng 5-1954), tạo cơ sở nền tảng cho thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (tháng 4-1975), hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc suốt 30 năm bền bỉ đấu tranh đã khẳng định ý chí quyết tâm bảo vệ nền độc lập, thống nhất Tổ quốc với chân lý "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" của nhân dân ta được tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng. Thắng lợi đó là biểu tượng cao đẹp của ý chí quyết chiến, quyết thắng, khí phách anh hùng, tinh thần chủ động sáng tạo và sức mạnh vô địch "sức mạnh tinh thần,

sức mạnh yêu nước” của chiến tranh nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc do nhiều yếu tố hợp thành; trong đó Quân đội nhân dân Việt Nam được Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu tổ chức, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng, không ngừng lớn mạnh, trở thành đội quân bách chiến, bách thắng là một trong những nhân tố quyết định. Thực tiễn đó đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý về xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam nói chung, về rèn luyện bản lĩnh chính trị cho quân đội nói riêng; đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Thế hệ cán bộ, chiến sĩ trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay hầu hết trưởng thành trong thời bình, chủ yếu được rèn luyện, thử thách trong nhà trường và trên thao trường; đồng thời, phải đối mặt với những khó khăn, thách thức của mặt trái kinh tế thị trường, xu hướng toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, đặc biệt là tác động tiêu cực từ thông tin xấu độc, âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” “phi chính trị hóa” quân đội của các thế lực thù địch và nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Do vậy, xây dựng bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng cho cán bộ, chiến sĩ quân đội là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, rất cần thiết, rất công phu, nghiêm túc và phải được tiến hành thường xuyên, có hệ thống bằng những giải pháp hợp lý, sát thực tế huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu... Để đạt được mục tiêu, yêu cầu đó, chúng ta cần tiến hành đồng bộ các giải pháp; đặc biệt, phải tiếp tục kế thừa, phát huy những bài học kinh nghiệm về rèn luyện bản lĩnh chính trị, ý chí chiến đấu của quân và dân ta trong những ngày toàn quốc kháng chiến, cũng như trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và

xây dựng quân đội, bảo vệ Tổ quốc hiện nay.



Quân đội nhân dân Việt Nam ngày càng trưởng thành, lớn mạnh. Ảnh minh họa/nguồn internet.

Một là, thường xuyên coi trọng giáo dục truyền thống yêu nước bất khuất, kiên cường chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam cho cán bộ, chiến sĩ quân đội.

Tinh thần yêu nước được hình thành, thử thách và khẳng định trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước, giữ nước của ông cha ta đã phát triển thành chủ nghĩa yêu nước trong thời đại Hồ Chí Minh, một trong những giá trị truyền thống cao quý nhất, bền vững nhất của dân tộc ta. Yêu nước đã thực sự trở thành một thứ vũ khí tinh thần ngấm sâu vào tâm trí tư tưởng, tình cảm của mỗi người dân Việt Nam qua các thời đại, làm nên một sức mạnh kỳ diệu, giúp cho dân tộc ta chiến thắng hết kẻ thù này đến kẻ thù khác cho dù chúng có hung bạo và tiềm lực quân sự mạnh đến đâu. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"(1).

Chính sức mạnh của lòng yêu nước là cơ sở tạo nên bản lĩnh, khí phách của

dân tộc ta; tạo nên bản lĩnh, ý chí chiến đấu và niềm tin vào thắng lợi của quân và dân ta. Điểm đặc sắc ở chỗ sức mạnh tiềm tàng đó được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh khơi dậy đúng thời điểm thông qua "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" và Chỉ thị "Toàn dân kháng chiến"; đồng thời, được phát triển lên chất mới trong suốt cuộc kháng chiến trường kỳ. Nhờ vậy, Đảng ta đã xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy cao độ lòng yêu nước, chí căm thù giặc, tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất của toàn dân, toàn quân, quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược. Bằng sức mạnh tổng hợp đó, quân và dân ta đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, càng đánh càng mạnh, càng thắng lớn và cuối cùng giành thắng lợi quyết định. Bài học nêu trên còn lưu truyền mãi mãi với thời gian. Vận dụng bài học trong sự nghiệp xây dựng quân đội, bảo vệ Tổ quốc ngày nay, chúng ta cần tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục những giá trị truyền thống tốt đẹp đó, nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm và rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị vững vàng trước mọi khó khăn thách thức của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân. Trong quá trình thực hiện, cần tiếp tục đổi mới chương trình, nội dung và mở rộng đối tượng giáo dục, bồi dưỡng; trong đó, chú trọng giáo dục bồi đắp tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào, tự tôn dân tộc cho toàn dân và toàn quân, nhất là thế hệ trẻ, giúp họ nêu cao cảnh giác, không để các thế lực thù địch lợi dụng lòng yêu nước chống phá đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước. Qua đó, không ngừng tăng cường tiềm lực mọi mặt của đất nước và sức mạnh chiến đấu của Quân đội nhân dân, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Hai là, tăng cường giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng,

tạo cơ sở cho việc rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị cho cán bộ, chiến sĩ.

Bản lĩnh chính trị của bộ đội không tự nhiên mà có. Đó là kết quả của quá trình tổ chức, lãnh đạo, giáo dục, rèn luyện của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với quân đội suốt hơn bảy mươi năm qua. Lý luận và thực tiễn cách mạng chỉ ra rằng: Có giác ngộ mới có hành động cách mạng. Quân đội nhân dân có nhận thức sâu sắc về lý tưởng cách mạng thì mới định hướng đúng và xác định rõ mục tiêu chiến đấu cho ai, vì mục đích gì? Từ đó sẵn sàng hy sinh vì mục tiêu, lý tưởng cao cả. Quân đội nhân dân Việt Nam là quân đội cách mạng, mang bản chất giai cấp công nhân, có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc; là quân đội của dân, do dân và vì dân. Có được bản chất cách mạng ấy là do Quân đội ta luôn được giáo dục bởi một hệ thống lý luận tiên phong là Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, quyết định tính chất cách mạng; là cơ sở khoa học để giác ngộ mục tiêu, lý tưởng chiến đấu, bản lĩnh chính trị, lòng trung thành, sự nhạy bén về chính trị; là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động xây dựng, trưởng thành, chiến đấu và chiến thắng của Quân đội ta.

Trong suốt quá trình lãnh đạo quân đội, Đảng ta thường xuyên tuyên truyền, giáo dục làm cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh thấm sâu, bám rễ trong tư tưởng, tình cảm của mọi cán bộ, chiến sĩ, tạo động lực chính trị tinh thần, thôi thúc bộ đội chiến đấu, hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và hạnh phúc của nhân dân, suốt đời tận trung với nước, với Đảng, tận hiếu với dân. Đó là "vũ khí luận" sắc bén, là cơ sở nền tảng để cán bộ, chiến sĩ có bản lĩnh chính trị vững vàng, sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao trong mọi tình huống. Tinh

thần dám đánh, quyết đánh, quyết thắng, “quyết tử để Tổ quốc quyết sinh” trong những ngày toàn quốc kháng chiến và suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ xâm lược là biểu hiện sinh động về bản lĩnh chính trị của quân và dân ta. Thực tiễn khẳng định: Nhờ được Đảng ta thường xuyên quan tâm, chăm lo giáo dục về mục tiêu, lý tưởng mà bản lĩnh chính trị, bản lĩnh chiến đấu của Quân đội ta không ngừng được nâng cao, luôn vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách.

Trong tình hình phức tạp hiện nay, nhất là sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch và những diễn biến khó lường ở Biển Đông, chúng ta càng phải chú trọng giáo dục, rèn luyện nâng cao bản lĩnh chính trị gắn với định hướng tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ trong toàn quân. Theo đó, toàn quân cần tiếp tục thực hiện Chỉ thị 124-CT/QUTU của Thường vụ Quân ủy Trung ương và Đề án “Đổi mới công tác giáo dục chính trị tại đơn vị trong giai đoạn mới”. Phải đẩy mạnh đổi mới cả về nội dung, hình thức và biện pháp tiến hành; khắc phục những hạn chế, cách làm theo kiểu đường mòn lối cũ, hình thức, đơn điệu, kém chất lượng và hiệu quả. Quá trình đổi mới phải chấp hành nghiêm sự chỉ đạo của Tổng cục Chính trị, sự hướng dẫn của cơ quan chức năng; cấp ủy, chỉ huy đơn vị, cơ quan chính trị các cấp phải đề cao trách nhiệm, năng động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện. Việc đổi mới phải bảo đảm được tính cơ bản, hệ thống, cập nhật những thông tin mới, nhằm trang bị kiến thức toàn diện, góp phần xây dựng những phẩm chất, nhân cách người quân nhân cách mạng, phục vụ tốt nhiệm vụ rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị cho bộ đội.

Ba là, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội.

Công tác Đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam là bộ

phần rất quan trọng trong hoạt động lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, nhằm xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội là nguyên tắc căn bản trong xây dựng quân đội kiểu mới theo nguyên lý Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quyết định bản chất giai cấp, mục tiêu lý tưởng chiến đấu và là nhân tố quyết định hàng đầu sự trưởng thành, chiến thắng của Quân đội ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Quân đội ta có sức mạnh vô địch, vì nó là một quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục”(2). Do vậy, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội thực chất là tăng cường xây dựng quân đội về chính trị. Ngược lại, tăng cường xây dựng quân đội về chính trị cũng chính là quá trình tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, bảo đảm cho quân đội tuyệt đối trung thành với Đảng, có chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu cao, đủ sức hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ trong mọi điều kiện.

Hiện nay, để giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội, đòi hỏi toàn quân cần tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 51-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) “Về tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng, thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam”, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) về xây dựng Đảng gắn với Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ”... Trong đó, tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; gắn xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, xây dựng cấp ủy

với xây dựng cán bộ chủ trì, xây dựng đội ngũ đảng viên với xây dựng đội ngũ cán bộ, rèn luyện tính Đảng và thường xuyên giám sát, kiểm tra việc duy trì kỷ luật Đảng, kỷ luật quân đội, chấp hành pháp luật Nhà nước. Mặt khác, cần tích cực nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để không ngừng hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, bảo đảm cho Đảng nắm chắc quân đội và quân đội luôn tuyệt đối trung thành với Đảng.

Hoạt động công tác Đảng, công tác chính trị phải được tiến hành thường xuyên, gắn chặt với các mặt công tác khác, bám sát hoạt động thực tiễn của bộ đội, nhất là trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, cứu hộ, cứu nạn,... Cùng với đó, cần phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các lực lượng, các phương tiện trong tiến hành công tác Đảng, công tác chính trị nhằm giáo dục, rèn luyện nâng cao bản lĩnh chính trị, tinh thần và ý chí quyết tâm khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ của bộ đội.

Bốn là, thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đánh giá về vai trò của cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”. Thực tiễn cũng cho thấy, chất lượng đội ngũ cán bộ là nhân tố có ý nghĩa quyết định đến sức mạnh chiến đấu, hoàn thành nhiệm vụ của mỗi đơn vị và toàn quân. Người chỉ rõ: “Từ việc lớn đến việc nhỏ, cán bộ đều phải làm kiểu mẫu. Giữ gìn kỷ luật, học tập kỹ thuật, luyện quân lập công, xung phong hãm trận, thân ái đoàn kết, nói tóm lại, mỗi việc trong bộ đội, cán bộ đều phải làm gương. Như thế thì Quân đội ta sẽ là một quân đội vô địch, và kháng chiến nhất định thành công”(3). Người yêu cầu: “Phải ra sức bồi dưỡng cán bộ, phải rèn luyện tư tưởng, nâng cao trình độ giác

ngộ chính trị, cũng như trình độ chiến thuật và kỹ thuật của cán bộ. Đó là khâu chính trong các thứ công tác”(4). Thấu triệt quan điểm của Đảng và tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng thường xuyên quan tâm công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ. Chú trọng xây dựng hệ thống nhà trường “chính quy, mẫu mực”; lựa chọn, gửi cán bộ đi học ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo đội ngũ cán bộ cho quân đội. Nhờ đó, quân đội đã xây dựng được đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành, có số lượng, chất lượng và cơ cấu hợp lý, vừa “hồng”, vừa “chuyên”, bảo đảm sự phát triển, kế thừa vững chắc giữa các thế hệ, thực sự là lực lượng nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quân sự-quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

Trong quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội phải hết sức chú trọng xây dựng, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho chính ủy, chính trị viên, cán bộ chính trị các cấp - lực lượng nòng cốt chuyên trách về công tác Đảng, công tác chính trị, xây dựng quân đội về chính trị. Bởi, cán bộ chính trị là người giữ vững định hướng chính trị trong mọi hoạt động của bộ đội và đơn vị theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, người thắp sáng ngọn lửa nhiệt huyết cách mạng cho mọi cán bộ, chiến sĩ. Hiện thực hơn 70 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đội ta khẳng định: Đội ngũ cán bộ chính trị vững mạnh là nhân tố có ý nghĩa quyết định việc nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác Đảng, công tác chính trị; đồng thời, bảo đảm cho quân đội luôn có bản lĩnh chính trị vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách.

Năm là, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, nhất là thủ đoạn “phi chính trị hóa” quân đội, giữ

vững trận địa tư tưởng của Đảng trong Quân đội.

Mục tiêu xuyên suốt, không thay đổi của các thế lực thù địch là xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trước hết, chúng tập trung xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, đối với lực lượng vũ trang nhân dân, nhất là Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, hòng làm cho quân đội mất phương hướng, mục tiêu chiến đấu, xa rời sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, quân đội phải nêu cao cảnh giác, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng và toàn dân chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nội bộ ta, đặc biệt là thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội ta của các thế lực thù địch. Phải chú trọng công tác giáo dục chính trị, định hướng tư tưởng cho bộ đội và nhân dân nhận rõ âm mưu, thủ đoạn thâm hiểm, xảo quyệt của địch; từ đó, có biện pháp phòng chống hiệu quả, bảo đảm giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng trong quân đội. Đồng thời, thông qua đấu tranh để rèn luyện bản lĩnh chính trị cho cán bộ, chiến sĩ luôn vững vàng trong các tình huống, không dao động, lúng túng trước những vấn đề nhạy cảm, thông tin xấu độc, trái chiều. Đó là giải pháp hiệu quả để tạo “hệ miễn dịch”, giúp cán bộ, chiến sĩ vững vàng trước những thông tin sai trái, bịa đặt, xuyên tạc,...

Các cơ quan chức năng: Tuyên huấn, Tổ chức, Bảo vệ, Cán bộ, Dân vận, Chính sách,... cần phối hợp chặt chẽ trong việc cung cấp thông tin, tổ chức lực lượng và phương tiện đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch có hiệu quả trên lĩnh vực tư tưởng-văn hóa. Đặc biệt, phải coi trọng đấu tranh làm thất bại thủ đoạn “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, “phi chính trị hóa” Quân đội ta của các thế lực thù địch.

Thực tiễn hơn 70 năm xây dựng, chiến đấu, chiến thắng và trưởng thành của Quân đội ta khẳng định: Bản lĩnh chính trị của cán bộ, chiến sĩ quân đội được rèn luyện, thử thách và phát triển ổn định, bền vững, đạt đến trình độ giác ngộ sâu sắc về mục tiêu, lý tưởng chiến đấu, về quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; được thể hiện sinh động nhất, sâu sắc nhất ở 10 lời thề danh dự của quân nhân và 12 điều kỷ luật của quân đội; là sự kết tinh phẩm giá, nhân cách Bộ đội Cụ Hồ trong thời đại Hồ Chí Minh. Hiện nay, cần tiếp tục phát huy khí phách quật khởi, truyền thống anh dũng của dân tộc và những kinh nghiệm quý về xây dựng, rèn luyện bản lĩnh chính trị cho quân đội trong những ngày toàn quốc kháng chiến cũng như trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc vào công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đó là sự trân trọng lịch sử, sự tôn vinh các anh hùng, liệt sĩ và cũng là trách nhiệm chính trị của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 7, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 38.

(2) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 14, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 435.

(3) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, H. 2011, tr. 486.

(4) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 8, Nxb Chính trị Quốc gia, H. 2011, tr. 29.

Trung tướng Nguyễn Trọng Nghĩa /
<http://www.qdnd.vn>